

Số: 169 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 8 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: TUNG KHANH TRADING AND MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY;
- Trụ sở chính: Số 131, đường Quán Trữ, phường Đồng Hoa, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 03 năm 2000, thay đổi lần thứ 08 ngày 12 tháng 11 năm 2020;
- Vốn điều lệ: 46.300.000.000 đồng (Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu đồng).



Điều 2. Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh được đăng ký chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*);
3. Tổng số cổ phiếu chào bán: 463.000 cổ phiếu (*Bốn trăm sáu mươi ba nghìn cổ phiếu*);
4. Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá cổ phiếu): 4.630.000.000 đồng (*Bốn tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng*);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall.

Điều 3. Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy Chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy Chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Sơn

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

----o0o----

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07/03/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 12/11/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán số 169/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCK Nhà nước cấp ngày 16 tháng 9 năm 2021)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
Số điện thoại: 022 5387 7996 Fax: 022 5387 8956
Website: www.tungkhanh.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Trụ sở chính: Tầng 9, 243A, Icon 4 Tower, đường La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 024 3934 7083 Fax: 024 3936 7082
Website: www.wss.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ và tên: Bùi Thị Nhung
Chức vụ: Người được ủy quyền CBTT
Số điện thoại: 0902 033 655



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07/03/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 12/11/2020)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng phát hành: 463.000 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 4.630.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, 243A, Icon 4 Tower, đường La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3934 7083

Fax: 024 3936 7082

Website: <http://www.wss.com.vn>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số MHT05-04 KĐT Vinhomes Imperia Hải Phòng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 022 5353 4655

Website: <http://www.vaco.com.vn>



MỤC LỤC

PHẦN I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1. Tổ chức phát hành	6
2. Tổ chức tư vấn	6
PHẦN II: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỐI GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN	7
1. Rủi ro về kinh tế	7
1.1. Rủi ro tăng trưởng và lạm phát	7
1.2. Rủi ro lãi suất	8
2. Rủi ro về luật pháp	9
3. Rủi ro đặc thù	9
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	9
5. Rủi ro pha loãng	10
6. Rủi ro quản trị công ty	12
7. Rủi ro khác	12
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM	13
PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	15
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	15
1.1. Tên, địa chỉ của Tổ chức phát hành	15
1.2. Ngành nghề kinh doanh chính	15
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	16
3. Cơ cấu tổ chức Công ty	18
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	19
4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý	19
4.2. Diễn giải sơ đồ	20
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành	25
5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành	25
5.2. Công ty con, công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối	25
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	25
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác	28
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	28
8.1. Cổ phiếu phổ thông	28
8.2. Cổ phiếu ưu đãi	28
8.3. Các loại chứng khoán khác	28
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	28
10. Hoạt động kinh doanh	30
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh	30
10.2. Tài sản	35
10.3. Thị trường hoạt động	38
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính	38
10.5. Các hợp đồng lớn	38
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn	40



10.7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	41
10.8. Hoạt động Marketing	43
10.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	45
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển.....	45
10.11. Chiến lược kinh doanh.....	46
11. Chính sách đối với người lao động.....	47
11.1. Cơ cấu lao động của Công ty.....	47
11.2. Chế độ làm việc	48
11.3. Chính sách tuyển dụng.....	49
11.4. Chính sách đào tạo	49
11.5. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi.....	49
12. Chính sách cổ tức.....	50
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	50
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	51
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	51
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	51
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	51
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	51
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:	51
1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	52
2. Tình hình tài chính	54
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	54
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	60
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	61
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	61
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	63
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	63
2. Thông tin về cổ đông lớn	63
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	63
3.1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị	63
3.2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban kiểm soát	70
3.3. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban Giám đốc	73
3.4. Kế toán trưởng: Bà Phạm Thúy Nga	73
PHẦN VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	75
1. Loại cổ phiếu.....	75
2. Mệnh giá	75
3. Tổng số cổ phiếu chào bán.....	75
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	75
5. Giá chào bán dự kiến	75
6. Phương pháp tính giá	75
7. Phương thức phân phối	75
8. Đăng ký mua cổ phiếu	76



9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	76
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	78
11.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	78
12.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ	79
13.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	79
14.	Các loại thuế có liên quan	79
15.	Thông tin về các cam kết	80
16.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	81
PHẦN VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN		81
PHẦN IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH		81
PHẦN X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN		83
1.	TỔ CHỨC TƯ VẤN	83
2.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	83
PHẦN XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		83
PHẦN XII. PHỤ LỤC		83



PHẦN I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Bà: Bùi Thị Yên	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Phạm Tùng Linh	Chức vụ: Giám đốc
Bà: Phạm Thúy Nga	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Ông: Nguyễn Viết Thắng	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Chứng khoán phố Wall
------------------------	---

(Ủy quyền theo Quyết định số 15/2017/GUQ-CTHĐQT ký ngày 06/10/2017 của Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 2406/HĐDV/TV/WSS-TKG ngày 24 tháng 06 năm 2021 với CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh cung cấp.



PHẦN II: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

1. Rủi ro về kinh tế

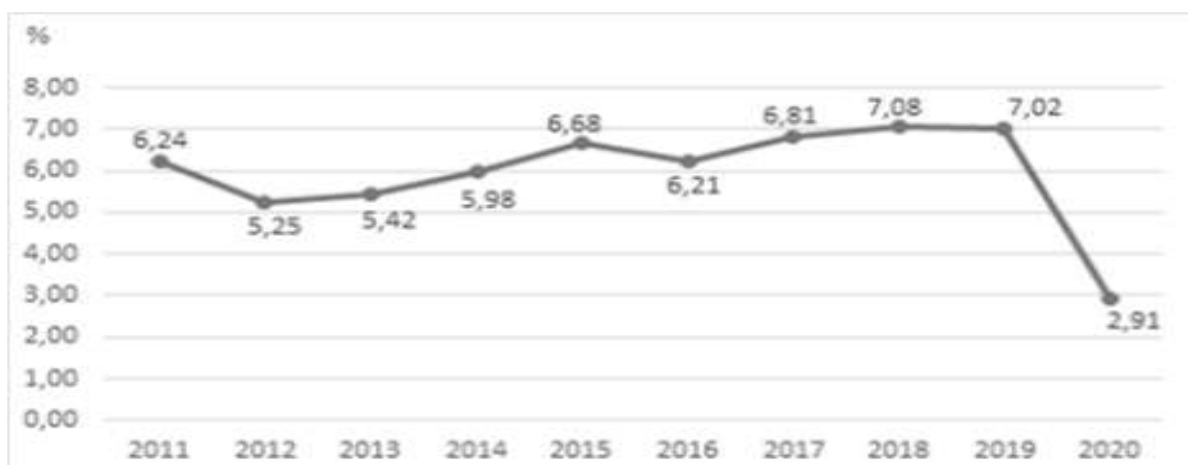
1.1. Rủi ro tăng trưởng và lạm phát

Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh có hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và thương mại các sản phẩm gia dụng, đồ dùng gia đình bằng inox thông qua hệ thống bán buôn và bán lẻ. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế và đặc biệt là tỷ lệ lạm phát có ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2020 được xem là một năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung trước sự ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Với tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 tăng 2,91% so với năm trước, Việt Nam thuộc nhóm các quốc gia có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất thế giới. Quy mô nền kinh tế nước ta đạt trên 343 tỷ USD, vượt Singapore (337,5 tỷ USD) và Malaysia (336,3 tỷ USD), đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á.

Tổng sản phẩm trong nước GDP Quý I/2021 ước tính tăng 4,48% so với cùng năm trước, cao hơn tốc độ tăng 3,68% của Quý I/2020. Quý I/2021 ghi nhận sự phục hồi đáng kể của các ngành nghề, cụ thể: ngành công nghiệp đạt mức tăng khá 6,5%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,45%; hoạt động dịch vụ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước cho thấy cầu tiêu dùng của người dân đã tăng trở lại, hoạt động xuất – nhập khẩu hồi phục mạnh mẽ, cán cân thương mại hàng hóa Quý I/2021 ước tính xuất siêu 2,03 tỷ USD; tỷ lệ thất nghiệp chung cả nước Quý I/2021 ước tính là 2,19%; thu nhập bình quân tháng của lao động là công là 7,2 triệu đồng/tháng, tăng 557 nghìn đồng so với quý trước và tăng 133 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước.

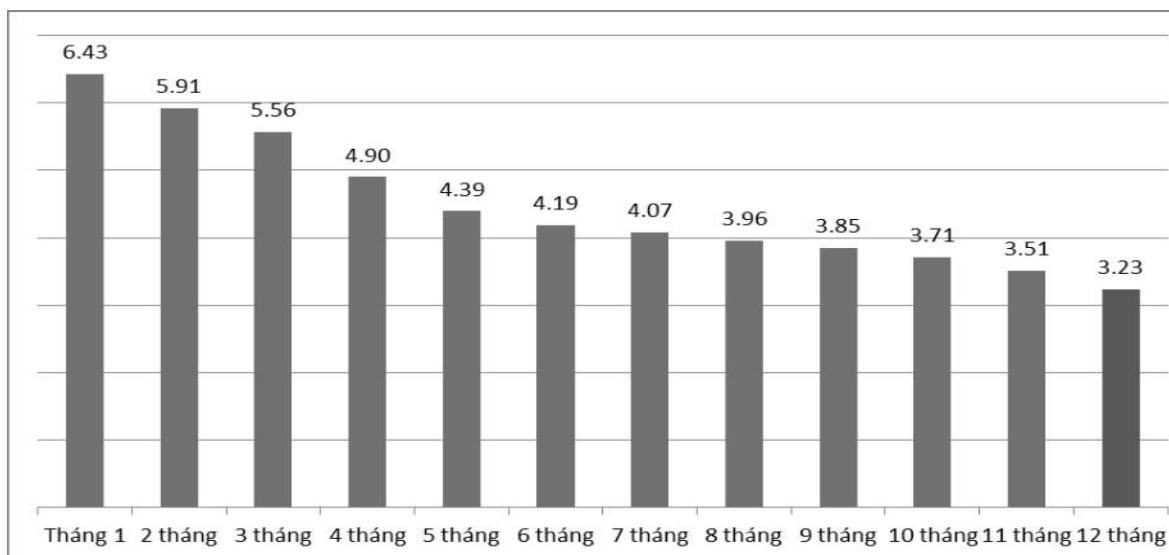
Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm (%)



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Bên cạnh sự tích cực trong việc đạt tỷ lệ tăng trưởng kinh tế dương trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, tỷ lệ lạm phát năm 2020 tăng 3,23% so với năm trước, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2020 dưới 4% của Quốc Hội đề ra.

Tốc độ tăng CPI bình quân năm 2020 (%)



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Như vậy, có thể thấy trong một năm nhiều khó khăn và diễn biến khó lường như năm 2020, nền kinh tế Việt Nam vẫn có những tín hiệu khả quan nhất định. Trước những tác động từ nền kinh tế, Công ty cũng đã xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

1.2. Rủi ro lãi suất

Trước sự tác động của dịch Covid-19 trong năm 2020, để giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện phục hồi nhanh nền kinh tế, tăng khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng đối với nền kinh tế, trên cơ sở diễn biến kinh tế trong và ngoài nước, Ngân hàng Nhà nước đã liên tiếp điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi suất, tổng mức giảm 1,5% – 2%/ năm đối với lãi suất điều hành. Mặt bằng lãi suất cho vay giảm bình quân khoảng 1% – 1,5%/năm, mặt bằng lãi suất huy động của các ngân hàng giảm khoảng 2% - 2,5%.

Theo dự báo của các chuyên gia, lãi suất có thể sẽ tăng nhẹ vào năm 2021, tuy nhiên sẽ vẫn được điều hành linh hoạt, bám sát diễn biến trong và ngoài nước, cũng như diễn biến của tình hình dịch bệnh theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Đối với Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh, hầu hết các khoản vay ngân hàng của Công ty là vay ngắn hạn với hạn mức cố định để tài trợ vốn lưu động. Do đó, những rủi ro về mặt lãi suất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không quá lớn,



Công ty có thể chủ động khắc phục thông qua một số biện pháp như: đẩy nhanh thu hồi công nợ, tăng cường chiếm dụng vốn,...

2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng và tiến hành đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung nên hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên hiện nay, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Do vậy, việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn nhiều khó khăn. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của Pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước... từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù trong lĩnh vực sản xuất do những biến động về giá cả nguyên vật liệu đầu vào, cải tiến công nghệ mới,... Để hạn chế các rủi ro trên, Công ty đã chủ động đa dạng hóa các nguồn cung sản phẩm, lên kế hoạch chi tiết cho việc nhập kho nguyên vật liệu để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu sử dụng sản xuất sản phẩm và hạn chế sự ảnh hưởng của sự thay đổi giá cả.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Đợt chào bán này, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh dự kiến phát hành 463.000 cổ phần, tương đương số tiền 4.630.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng) theo mệnh giá nhằm huy động thêm vốn. Công ty sử dụng vốn vào việc bổ sung nguồn vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thị trường chứng khoán Việt Nam thời gian qua đã xác nhận đỉnh mới sau khi vượt đỉnh cũ năm 2018, tâm lý nhà đầu tư hiện tại cũng cần trọng hơn trong việc ra quyết định mua bán cổ phiếu, đợt chào bán của Công ty có thể gặp rủi ro không chào bán hết do các cổ đông không thực hiện quyền mua dẫn đến Công ty không thu được số tiền như dự kiến.

Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án xử lý số cổ phần chưa phân phối hết như sau: Trong trường hợp những cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết thì ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT chào bán số lượng cổ phiếu đó cho cổ đông, nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán chính thức. Do đó, rủi ro đối với đợt chào bán của Công ty là rất thấp.



5. Rủi ro pha loãng

Việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu này sẽ làm phát sinh rủi ro pha loãng cổ phần như sau:

- Pha loãng về thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS);
- Pha loãng giá sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS);
- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết;
- Pha loãng về giá cổ phiếu.

❖ Về pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) và pha loãng giá sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)

Sau khi phát hành thêm cổ phiếu, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sẽ tăng lên so với hiện tại. Điều này sẽ dẫn tới rủi ro pha loãng cổ phiếu, cụ thể là giá trị sổ sách của Công ty và thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ giảm sút. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do số lượng cổ phiếu tăng lên trong khi doanh thu, lợi nhuận của Công ty chưa thể tăng tương ứng. Tỷ suất lợi nhuận sau khi phát hành cổ phiếu nhiều khả năng sụt giảm so với trước khi phát hành. Nhà đầu tư cần lưu ý đến rủi ro này.

- Công thức tính EPS pha loãng sau khi phát hành :

$$EPS = \frac{\text{Lãi chia cho cổ đông}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Cụ thể, EPS năm 2020 đang ở mức:

$$3.188.961.544 \text{ đồng} / 4.630.000 \text{ cổ phiếu} = \mathbf{689 \text{ đồng/cổ phiếu}}$$

Giả sử việc phát hành thêm 463.000 cổ phiếu vào cuối tháng 09/2021 và các chỉ tiêu tài chính khác không thay đổi thì EPS năm 2021 sẽ bị pha loãng còn:

$$3.188.961.544 \text{ đồng} / [(4.630.000 \text{ cổ phiếu} \times 9 \text{ tháng} + (4.630.000 + 463.000) \text{ cổ phiếu}) \times 3 \text{ tháng}] / 12 \text{ tháng} = \mathbf{672 \text{ đồng/cổ phiếu}}$$

- Công thức tính giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu} - \text{Nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Số cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}}$$

Cụ thể, giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 đang ở mức:

$$55.836.254.204 \text{ đồng} / 4.630.000 \text{ cổ phiếu} = \mathbf{12.060 \text{ đồng/cổ phiếu.}}$$

Giả sử việc phát hành thêm 463.000 cổ phiếu vào cuối tháng 09/2021 và các chỉ tiêu tài chính khác không thay đổi thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần năm 2021 sẽ bị pha loãng còn:

$[(55.836.254.204 \text{ đồng} + 463.000 \text{ cổ phiếu} \times 10.000 \text{ đồng/cổ phiếu})]/[(4.630.000 \text{ cổ phiếu} + 463.000 \text{ cổ phiếu})] = 11.872 \text{ đồng/cổ phiếu.}$

Ngoài ra, trong thực tế sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty. Rủi ro pha loãng này sẽ được giảm đi khi Công ty sử dụng số tiền huy động được từ đợt phát hành để bổ sung nguồn vốn giúp nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cân trọng về vấn đề này.

❖ Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương đương với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt phát hành này so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm.

❖ Về giá cổ phiếu

Việc phát hành cổ phần sẽ pha loãng giá cổ phiếu. Cụ thể, tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá cổ phiếu của Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{\text{PR}_{t-1} + (I \times \text{PR})}{1 + I}$$

- + PR_{t-1} : là giá giao dịch của cổ phiếu tại phiên giao dịch liền trước phiên giao dịch không hưởng quyền.
- + I : là tỷ lệ vốn tăng.
- + PR : là giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.

Ví dụ: Chào bán cho cổ đông hiện hữu 463.000 cổ phiếu với các thông tin sau:

- Giá sử giá tham chiếu của TKG trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là 19.200 đồng/cổ phiếu.
- Giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Về mặt lý thuyết, giá cổ phiếu này sẽ bị điều chỉnh:

$$P_{\text{sau điều chỉnh}} = \frac{19.200 + (0,1 * 10.000)}{1 + 0,1} = 18.363 \text{ đồng/ cổ phiếu}$$

Như vậy, giá cổ phiếu sau khi phát hành là 18.400 đồng/cổ phiếu, giảm 800 đồng/cổ phiếu so với giá cổ phiếu thị trường TKG trước ngày phát hành.

Lưu ý: Giá thị trường trong ví dụ trên chỉ nhằm mục đích minh họa cụ thể cho nhà đầu tư thấy rõ về sự pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành, mà không phản ánh đúng giá trị thị trường của cổ phần TKG vào thời điểm chốt danh sách cổ đông để chào bán.



6. Rủi ro quản trị công ty

Việc phát hành cổ phiếu luôn tiềm ẩn rủi ro đối với tình hình quản trị công ty phát hành. Nếu không mua thêm những cổ phiếu mới với tỷ lệ tương ứng với đợt phát hành chứng khoán mới của công ty, thì các nhà đầu tư sẽ tự động bị giảm tỷ trọng cổ phiếu của mình trong tổng số các cổ phiếu đã phát hành của công ty phát hành cổ phiếu. Điều này cũng đồng nghĩa với việc nhà đầu tư giảm tương ứng vị thế, tiếng nói và quyền biểu quyết của mình trong công ty, mà ở đây là Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.

Với việc số lượng cổ phiếu phát hành đạt tỉ lệ 10% so với số lượng cổ phiếu đang lưu hành, đây sẽ là một vấn đề mà các nhà đầu tư, đặc biệt là ban quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh cần phải có phương án chi tiết về mọi mặt, đặc biệt những phương án về nhân sự và tổ chức lại sản xuất kinh doanh thích ứng với phần vốn huy động thêm. Và khi đó, doanh nghiệp có khả năng gặp phải những khó khăn lớn về trả lợi tức.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh. Đặc biệt rủi ro dịch bệnh Covid – 19 hiện tại ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động cuộc sống thường ngày của người dân trên toàn thế giới.



PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM

➤ **Các khái niệm**

1/ **“Công ty”**: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.

2/ **“Bản cáo bạch”**: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

3/ **“Cổ phần”**: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

4/ **“Cổ phiếu”**: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.

5/ **“Cổ đông”**: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

6/ **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

7/ **“Đại hội đồng cổ đông”**: Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.

8/ **“Hội đồng quản trị”**: Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.

9/ **“Ban kiểm soát”**: Ban kiểm soát của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.

10/ **“Ban Giám đốc”**: Ban Giám đốc của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.

11/ **“Vốn điều lệ”**: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.

12/ **“Tổ chức phát hành”**: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.

13/ **“Tổ chức kiểm toán”**: Công ty TNHH kiểm toán Vaco – Chi nhánh Hải Phòng

14/ **“Tổ chức tư vấn”**: Công ty cổ phần chứng khoán Phố Wall



➤ *Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch:*

DT	Doanh thu
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh
HĐQT	Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh
BKS	Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh
GD	Giám đốc của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh
BGD	Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh
TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
VCSH	Vốn chủ sở hữu
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
UPCOM	Sàn giao dịch chứng khoán UPCOM
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần

Những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.



PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

1.1. Tên, địa chỉ của Tổ chức phát hành

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH
- Trụ sở chính : Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
- Điện thoại : 022 5387 7996
- Website : www.tungkhanh.com.vn
- Email : tungkhanh@tungkhanh.com.vn
- Logo:



- Giấy chứng nhận ĐKDN: 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07/03/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 12/11/2020
- Người đại diện theo Ông: Phạm Tùng Linh Chức danh: Giám đốc pháp luật:
- Vốn điều lệ đăng ký: **46.300.000.000 đồng** (Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: **46.300.000.000 đồng** (Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu đồng)
- Mã cổ phiếu: **TKG**
- Sàn đăng ký giao **UPCOM** dịch:

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07/03/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 12/11/2020, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

STT	Nội dung ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất lan can thang inox, cửa nhôm cuốn; Sản xuất ống và các sản phẩm bằng inox	2599 (Chính)



STT	Nội dung ngành nghề	Mã ngành
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ hóa chất Nhà nước cấm kinh doanh); Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ	4669
3	Sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự	3100
4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đệm các loại	3290
5	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
6	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình	4330
7	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn thảm, đệm, chăn màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn giày dép	4641

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Năm 1998, các cổ đông sáng lập của Công ty phát triển hoạt động kinh doanh cá nhân và lên ý tưởng thành lập doanh nghiệp.

Ngày 07/03/2000, Công ty TNHH Tùng Khánh chính thức được thành lập với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng, do 2 thành viên sáng lập là ông Phạm Văn Hiếu (tỷ lệ góp vốn là 60%) và bà Bùi Thị Yên (tỷ lệ góp vốn là 40%) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Ngày 16/10/2017, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần và thực hiện tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng, đổi tên thành Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.

Tháng 03 năm 2018, nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và tài trợ cho kế hoạch hợp tác kinh doanh của Ban lãnh đạo, Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng.

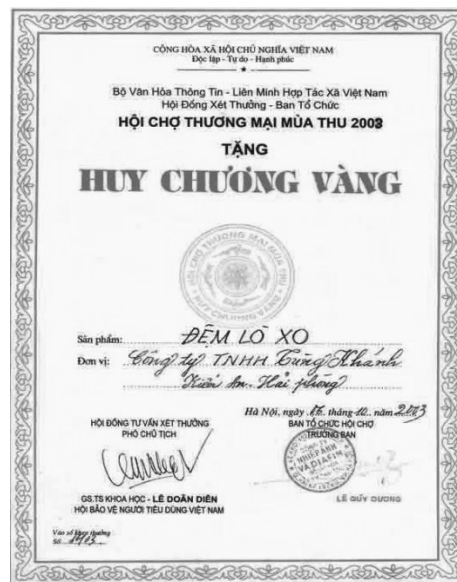
Tháng 05/2019, Công ty xin đăng ký giảm vốn điều lệ xuống 46,3 tỷ đồng để phù hợp với thực trạng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngày 23/11/2020, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh nhận được Công văn số: 6906/UBCK-GSĐC ngày 23/11/2020 về việc đăng ký công ty đại chúng.

Công ty đã thực hiện Đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và chính thức giao dịch trên sàn UPCOM từ ngày 09/04/2020 với mã chứng khoán TKG.

Sau hơn 21 năm hoạt động và phát triển, Tùng Khánh đã trở thành một thương hiệu uy tín trong lĩnh vực sản xuất đồ inox và đem cao cấp trên thị trường trong và ngoài nước. Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh là một trong những công ty có tốc độ phát triển nhanh và có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của địa phương. Các sản phẩm như: phụ kiện trang trí nội – ngoại thất, đem Hàn Quốc cao cấp, đồ gia dụng và thiết bị nhà bếp inox của Công ty đã có mặt trên nhiều tỉnh thành như Nam Định, Thái Bình, Quảng Ninh, Ninh Bình, Lạng Sơn, Hà Nam, Bắc Ninh,... và đã được xuất khẩu sang một số nước như: Nhật Bản, Mỹ và một số nước ASEAN. Bên cạnh hoạt động sản xuất, mảng hoạt động thương mại của Tùng Khánh cũng dần khẳng định hình ảnh của Công ty trên thị trường với chất lượng và sự linh hoạt, hỗ trợ đắc lực trong việc lưu thông hàng hòa cho mảng hoạt động sản xuất. Sản phẩm của Tùng Khánh đã đạt được một số huy chương, bằng khen tại các hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại trên toàn quốc. Thương hiệu Tùng Khánh đã được Cục sở hữu trí tuệ cấp đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, góp phần khẳng định tên tuổi của Công ty trên thị trường. Vốn điều lệ thực góp của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 là 46.300.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu đồng*).

Hình 1 - Một số bằng khen và huy chương cho sản phẩm của Công ty

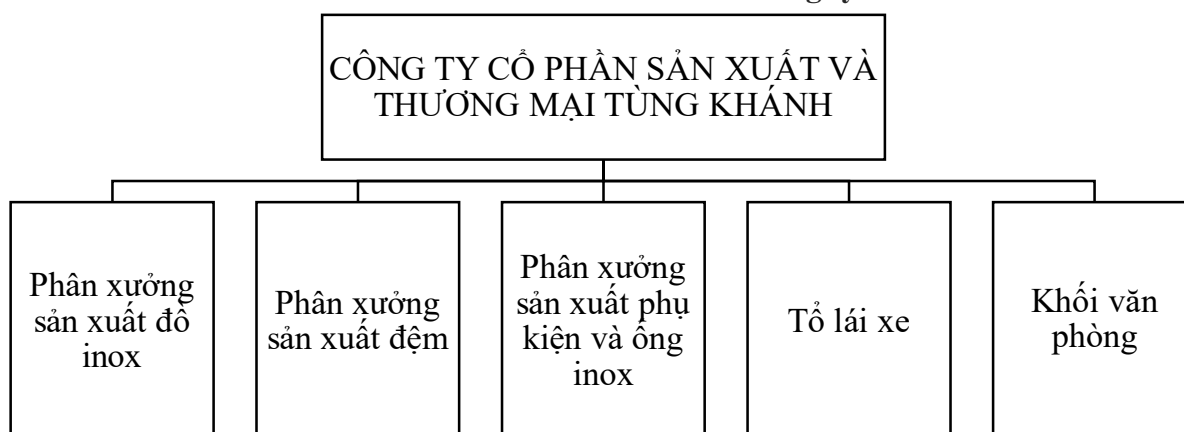




3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



❖ Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh

Trụ sở chính: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07/03/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/11/2020.

❖ Phân xưởng sản xuất inox

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
Diện tích: 2.040 m²

Chức năng – nhiệm vụ chính: Sản xuất các sản phẩm đồ gia dụng, thiết bị nhà bếp và đồ trang trí nội ngoại thất bằng inox. Các sản phẩm chính của phân xưởng có thể kể tới: bàn, ghế, trần bát, giá để đồ, móc treo quần áo, cổng xếp điện tử, cổng barie, cổng cờ, lan can, tay vịn cầu thang.

❖ Phân xưởng sản xuất đệm

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
Diện tích: 586,5 m²



Chức năng – nhiệm vụ chính: Thực hiện các công đoạn sản xuất đẽm và lưu trữ bảo quản đẽm.

❖ **Phân xưởng sản xuất phụ kiện và ống inox**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng

Diện tích: 637,5 m²

Chức năng – nhiệm vụ chính: sản xuất các sản phẩm phụ kiện, các chi tiết rời, để chuyển lên cho xưởng sản xuất inox.

❖ **Tổ lái xe**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng

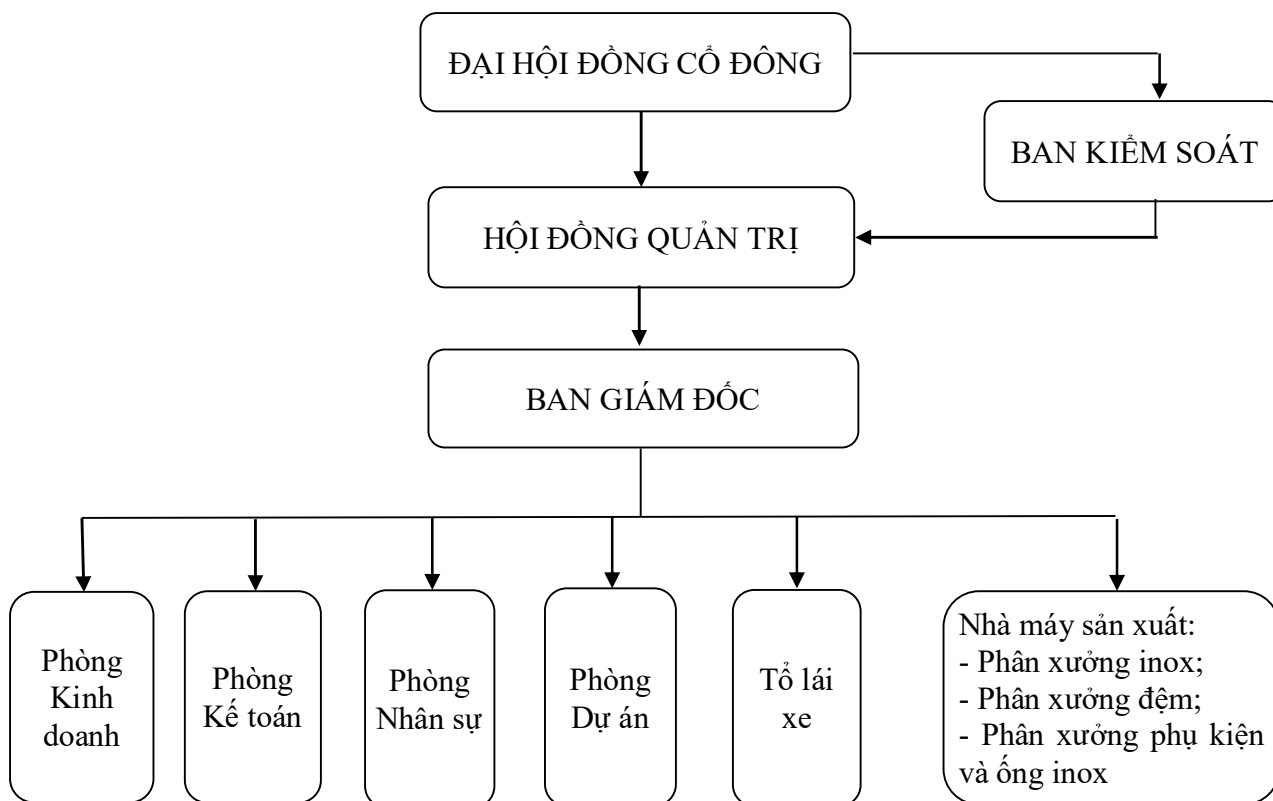
Chức năng – nhiệm vụ chính: phụ trách quản lý và bảo dưỡng xe của Công ty, điều phối các xe vận chuyển hàng hóa và xe công vụ theo kế hoạch hoạt động của các phòng ban/đơn vị trong toàn Công ty.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

Hiện tại, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh đang áp dụng theo mô hình tổ chức của công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)



4.2. Diễn giải sơ đồ

4.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, Báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
- Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.
- Quyết định số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị.
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Quyết định số thành viên HĐQT.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.2.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.



- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

4.2.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

4.2.4. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.2.5. Các phòng ban khác:



- **Phòng Kinh doanh**

Phòng Kinh doanh là bộ phận hết sức quan trọng, đóng vai trò chủ chốt trong Công ty, giúp việc cho HĐQT/BGD ra quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh, cụ thể:

- Kết hợp với các phân xưởng sản xuất lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn theo kế hoạch phát triển của Công ty;
- Phối hợp giữa các phân xưởng và đội xe để lập kế hoạch logistics hiệu quả;
- Nghiên cứu thị trường, đưa ra các dự báo về tình hình biến động cung – cầu trên thị trường, qua đó đưa ra các giải pháp, tham mưu cho Ban lãnh đạo và báo cáo kết quả kinh doanh;
- Đề xuất xây dựng chính sách và quản lý trực tiếp mạng lưới nhà phân phối;
- Lập kế hoạch và triển khai các chiến lược marketing đồng bộ; xây dựng thời gian biểu cho lãnh đạo và trực tiếp tham gia các hội chợ, hội thảo giới thiệu sản phẩm và xúc tiến thương mại; xây dựng hình ảnh và mối quan hệ với khách hàng mục tiêu;
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để lên kế hoạch, chuẩn bị hồ sơ tài liệu và tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc đàm phán và ký kết các hợp đồng kinh tế, đồng thời xây dựng kế hoạch hợp tác, liên doanh đầu tư với các đối tác – khách hàng trong và ngoài nước.

- **Phòng Kế toán**

Phòng Kế toán có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Thu thập, lưu trữ các chứng từ, sổ sách kế toán; theo dõi, tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty, báo cáo trực tiếp lên Ban Giám đốc;
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ;
- Lập và thông qua báo cáo tình hình tài chính doanh nghiệp, giúp Giám đốc có cơ sở để chỉ đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền;
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính;
- Phân tích tình hình tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tham mưu những biện pháp và chỉ tiêu kế hoạch tài chính cho Ban Giám đốc.

- **Phòng Nhân sự**

Phòng Nhân sự có các chức năng và nhiệm vụ cụ thể như sau:



- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy nhân sự trong Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ công nhân viên;
- Thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động phù hợp với bộ Luật Lao động được Nhà nước ban hành;
- Quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty;
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động, kế hoạch quỹ tiền lương hàng năm;
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động vào các phòng ban, đơn vị của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của các bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động;
- Quản lý toàn bộ tài sản, trang thiết bị văn phòng tại Công ty;
- Thực hiện các chức năng và hoạt động khác theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty.

- **Phòng Dự án**

Là phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT/Ban Giám đốc ra quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực đầu tư. Phòng Dự án thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Giúp Ban lãnh đạo Công ty quản lý vốn đầu tư và hoạt động xây dựng tại tất cả các dự án mà Công ty là chủ đầu tư hoặc hợp tác đầu tư. Kết hợp với chủ đầu tư thực hiện giám sát, kiểm tra chất lượng thi công, xác nhận khối lượng hoàn thành, các công việc phát sinh và tiến trình nghiệm thu thanh toán của từng dự án;
- Nghiên cứu và lập hồ sơ dự thầu, dự toán số vốn bỏ thầu cho các dự án cung cấp sản phẩm inox và đệm;
- Chuẩn bị đầy đủ các thủ tục, tài liệu, lập hồ sơ mời dự thầu; đàm phán, tổ chức lựa chọn nhà thầu phụ cho các dự án;
- Quản lý hoạt động của các nhà thầu phụ, đảm bảo tiến độ cung cấp thiết bị, sản phẩm; đảm bảo các chỉ tiêu cơ bản: khối lượng, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường;
- Thực hiện các công việc khác được Ban lãnh đạo giao phó.

- **Tổ lái xe**

Tổ lái xe có nhiệm vụ:

- Quản lý và bảo dưỡng đội ngũ xe của Công ty; báo cáo với Phòng Kế toán các chi phí phát sinh như chi phí cầu đường, chi phí xăng xe, bảo dưỡng, ...;



- Kết hợp với Phòng Kinh doanh và các phân xưởng sản xuất lập kế hoạch vận chuyển hàng hàng theo yêu cầu của các đơn hàng;
- Phối hợp với Phòng Nhân sự lập thời gian biểu điều phối xe công tác và di chuyển phù hợp cho các lãnh đạo và nhân viên Công ty;
- Các công việc khác do Ban lãnh đạo giao phó.

- **Nhà máy sản xuất**

Các phân xưởng sản xuất có chức năng và nhiệm vụ chính như sau:

- Điều phối sản xuất: điều phối hoạt động sản xuất của các tổ sản xuất trong Công ty căn cứ vào tính năng chuyên môn hóa, máy móc thiết bị và lợi thế của từng phân xưởng sản xuất; quản lý, cân đối năng lực máy móc thiết bị, công cụ và thực hiện việc điều chuyển hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh thông suốt toàn Công ty;
- Quản lý và đặt kế hoạch cho việc kiểm tra, bảo dưỡng kỹ thuật định kỳ các máy móc trang thiết bị trong quá trình sản xuất; đề xuất các phương án thay thế, bổ sung khi cần thiết;
- Xây dựng kế hoạch đầu tư mua mới hoặc nâng cấp trang thiết bị máy móc ngắn hạn và trung hạn cho Công ty. Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật sản xuất tiên tiến trên thế giới trong lĩnh vực sản xuất của Công ty, phù hợp với trình độ lao động và tình hình tài chính của Công ty; đề xuất phương án đầu tư chuyển giao hoặc cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, tìm kiếm và lựa chọn các đối tác chuyển giao công nghệ có uy tín, hỗ trợ Ban lãnh đạo Công ty trong việc đàm phán với các đối tác công nghệ kỹ thuật;
- Hướng dẫn và phối hợp với các phòng ban/đơn vị xây dựng kế hoạch hàng năm và kế hoạch trung dài hạn để xây dựng đồng bộ các kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng và theo dõi tiến độ thực hiện quá trình sản xuất, phân công và giao kế hoạch cho các phân xưởng và đơn vị trực thuộc phân xưởng;
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn KPI làm cơ sở cho Giám đốc Công ty giao kế hoạch và xét duyệt hoàn thành kế hoạch của các đơn vị sản xuất trực thuộc; hỗ trợ Giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, đề xuất các biện pháp xử lý cần thiết khi có vấn đề phát sinh;
- Hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát việc triển khai áp dụng bộ hệ thống quản lý chất lượng của Việt Nam (hệ thống ISO) và trên thế giới vào hoạt động sản xuất của Công ty; tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc hiệu chỉnh bộ hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động của Công ty nếu cần thiết;
- Thống kê báo cáo theo chế độ, viết lệnh sản xuất, nhập – xuất kho, bảo quản, lưu trữ hồ sơ thuộc phòng quản lý; giữ bí mật thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.



5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có.

5.2. Công ty con, công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Từ khi chuyển thành công ty cổ phần (16/10/2017) đến nay, Công ty đã thực hiện 02 lần thay đổi vốn điều lệ. Chi tiết quá trình thay đổi vốn được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 1: Báo cáo các lần thay đổi vốn của Công ty

Lần	Thời gian thay đổi vốn	Vốn điều lệ trước khi thay đổi (Đồng)	Vốn điều lệ thay đổi (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi thay đổi (Đồng)	Hình thức phát hành
1	2018	30.000.000.000	30.000.000.000	60.000.000.000	Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2	2019	60.000.000.000	13.700.000.000	46.300.000.000	Giảm vốn theo tỷ lệ cổ đông hiện hữu

➤ **Lần 1: Tăng vốn từ 30.000.000.000 đồng lên 60.000.000.000 đồng**

❖ **Cơ sở pháp lý:**

+ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 0502/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2018 của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng;

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 (trước khi tăng vốn);



+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 (sau khi tăng vốn).

❖ Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Hình thức tăng vốn: Nguồn vốn khác của chủ sở hữu chia cho các cổ đông hiện hữu 3.122.627.511 đồng và phát hành thêm cho các cổ đông 26.877.372.489 đồng.
- Số lượng cổ đông hiện hữu: 04 (bốn) cổ đông
- Tỷ lệ phát hành: 1:1
- Số lượng cổ đông mua: 04 (bốn) cổ đông
- Số lượng cổ phần phát hành: 3.000.000 cổ phần (Ba triệu cổ phần)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá trị phát hành thực tế: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Mục đích tăng vốn:

+ Góp thêm vốn hợp tác kinh doanh với ông Phạm Văn Hiếu trong Dự án “Đầu tư chuyên đổi vùng ruộng trũng để hoang hóa Trung Dũng tại cụm Gò Công III, phường Phù Liễn sang mô hình kinh tế trang trại tổng hợp (V.A.C)” tại cụm Gò Công III, phường Phù Liễn, quận Kiến An, Hải Phòng: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng) (như vậy, cộng với số vốn đã góp hợp tác kinh doanh do cản trở công nợ của ông Phạm Văn Hiếu đòi với Công ty trị giá 7,7 tỷ đồng, Tùng Khánh đã góp tổng cộng 13,7 tỷ đồng vào dự án này);

+ Sử dụng để tạm ứng tiền hàng cho các nhà cung ứng theo các hợp đồng đã được ký kết: 19.935.000.000 đồng (Mười chín tỷ chín trăm ba mươi lăm triệu đồng);

+ Sử dụng để bổ sung vốn lưu động 942.372.489 đồng.

Sau đợt tăng vốn, Công ty có 04 (bốn) cổ đông với cơ cấu vốn thực góp như sau:

STT	Tên cổ đông	SLCP sở hữu trước khi tăng vốn	SLCP mua thêm	SLCP sở hữu sau khi tăng vốn	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Văn Hiếu	810.000	810.000	1.620.000	16.200.000.000	27
2	Bùi Thị Yến	750.000	750.000	1.500.000	15.000.000.000	25
3	Phạm Thị Khánh Ly	660.000	660.000	1.320.000	13.200.000.000	22



STT	Tên cổ đông	SLCP sở hữu trước khi tăng vốn	SLCP mua thêm	SLCP sở hữu sau khi tăng vốn	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
4	Phạm Tùng Linh	780.000	780.000	1.560.000	15.600.000.000	26
Tổng cộng		3.000.000	3.000.000	6.000.000	60.000.000.000	100

➤ **Lần 2: Giảm vốn từ 60.000.000.000 đồng xuống 46.300.000.000 đồng**

❖ **Cơ sở pháp lý:**

+ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 2704/2019/NQ-ĐHĐCĐ/TKG ngày 27/04/2019 của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh thông qua việc giảm vốn điều lệ xuống 46,3 tỷ đồng;

+ Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 0605/2019/NQ-HĐQT/TKG ngày 06/05/2019 của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh báo cáo việc giảm vốn điều lệ xuống còn 46,3 tỷ đồng;

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 07.

❖ **Chi tiết đợt giảm vốn:**

- Vốn điều lệ trước khi giảm vốn: 60.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tỷ đồng*)
- Vốn điều lệ sau khi giảm vốn: 46.300.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu đồng*)
- Hình thức giảm vốn: Mua lại cổ phần của cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ đông hiện hữu: 104 cổ đông
- Tỷ lệ giảm vốn: 100:22,83 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần có quyền bán lại cho Công ty 22,83 cổ phần của mình)
- Số lượng cổ phần mua lại thực tế: 1.370.000 cổ phần (*Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn cổ phần*)
- Giá mua lại: 10.000 đồng/cổ phần
- Ngày hoàn thành đợt mua lại: 01/06/2019
- Mục đích giảm vốn: Do chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và ông Phạm Văn Hiếu trong Dự án “Cải tạo khai hoang vùng ruộng trũng sang mô hình sinh thái tổ chức sự kiện và trang trại (V.A.C)” tại cụm Gò Công III, phường Phù Liễn, quận Kiến An, Hải Phòng, tổng giá trị: 13.700.000.000 đồng (*Mười ba tỷ bảy trăm triệu đồng*). Do xét trên tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế, Công ty chưa có nhu cầu sử dụng số lượng nguồn vốn trên nên Công ty quyết định mua lại cổ phần của cổ đông hiện hữu và



đăng ký giảm vốn nhằm đảm bảo lợi ích của các cổ đông, tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn của Công ty và theo đúng quy định của Pháp luật

- Nguồn tiền sử dụng để mua lại: nguồn tiền thu hồi từ ông Phạm Văn Hiếu, do việc chấm dứt hợp tác kinh doanh với Công ty.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông: 4.630.000 cổ phiếu, chiếm 100% cổ phiếu đang lưu hành

Bảng 2: Cơ cấu cổ phiếu phổ thông tại ngày 22/03/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	103	4.630.000	4.630.000.000	100%
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	103	4.630.000	4.630.000.000	100%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0	0
Tổng cộng		103	4.630.000	4.630.000.000	100%

(Nguồn: Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt tại ngày 22/03/2021)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của cổ đông nước ngoài.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tuân theo quy định hiện hành tại: Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Luật đầu tư số 61/2020/2014 ngày 17/06/2020, Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư, Danh mục điều kiện đầu tư đối với Nhà đầu tư nước ngoài tại Công thông tin quốc gia về Đầu tư nước ngoài. Hiện tại Công ty có một



số ngành nghề kinh doanh có điều kiện bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật như sau:

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa
1	(4932) Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng	49% (WTO, FTAs)
2	4933) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container, xe bồn, xe téc	49% (WTO, FTAs)
3	(9329) Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí; Cho thuê các thiết bị thư giãn; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Hoạt động của các sàn nhảy; Hoạt động tổ chức sinh nhật; Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ hoạt động cá cược, đánh bạc, trò chơi điện tử có thưởng) (Không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	49% (WTO, FTAs, AFAS)
4	(4649) Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn giấy, sản phẩm từ giấy; Bán buôn dao cạo râu, đồng hồ, kính mắt, máy ảnh; Bán buôn xe đạp và các phụ tùng xe đạp; Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi (không bao	0% (WTO, FTAs)



STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa
	gồm sản phẩm đồ chơi, trò chơi Nhà nước cấm); Bán buôn găng tay PE; PVC; găng tay cao su	
5	(0311) Khai thác thủy sản biển	0% (Phần A, PL I, NĐ 31/2021/NĐ-CP)
6	(0312) Khai thác thủy sản nội địa	0% (Phần A, PL I, NĐ 31/2021/NĐ-CP)

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật là: **0%**. (Theo công văn số 3311/UBCK-PTTT ngày 02/07/2021 của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc đã nhận hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh ở mức 0% đầy đủ, hợp lệ)

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tại thời điểm hiện tại là: **0%**

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng inox, thép không gỉ, vải tấm, máy móc, hạt nhựa,... và hoạt động sản xuất các mặt hàng truyền thống như đồ gia dụng, các sản phẩm trang trí nội – ngoại thất bằng chất liệu inox, thép không gỉ, cụ thể:

- Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm inox (bao gồm các sản phẩm đồ gia dụng, thiết bị nhà bếp, đồ trang trí nội – ngoại thất, hệ thống kiểm soát ra vào, cổng xếp điện, thiết bị y tế) và sản phẩm đệm Hàn Quốc cao cấp;

- Lĩnh vực thương mại một số các mặt hàng khác như: thép không gỉ, vải tấm, hóa chất, hạt nhựa, găng tay (nylon và cao su) và máy móc sản xuất nhỏ.

10.1.1 Hoạt động thương mại

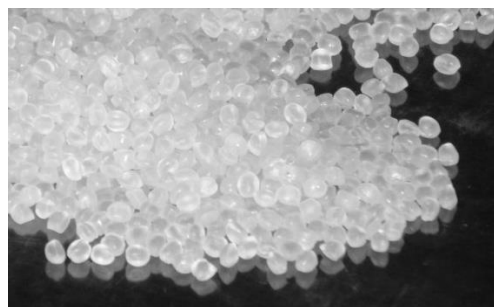
Hoạt động thương mại đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh chung của Công ty. Ngoài các sản phẩm thương mại chính như: thép không gỉ, vải tấm, hóa chất, hạt nhựa,... Công ty còn mở rộng kinh doanh thương mại một số mặt hàng theo xu hướng thị trường. Trong năm 2020, dịch bệnh Covid – 19 bùng nổ và diễn biến phức tạp trên toàn thế giới, nhu cầu sử dụng các sản phẩm y tế trong nước và ngoài nước tăng cao, Công ty đã thực hiện nhập các sản phẩm găng tay thu mua từ các nhà sản xuất, sau đó thực hiện phân loại và đóng gói bao bì thành phẩm, chia lô để xuất khẩu sang các nước Châu Âu với các thị trường chính là Tây Ban Nha,

Bi, Israel; bên cạnh đó, Công ty cũng nhập khẩu máy móc thiết bị sản xuất khẩu trang để phân phối tại thị trường trong nước.

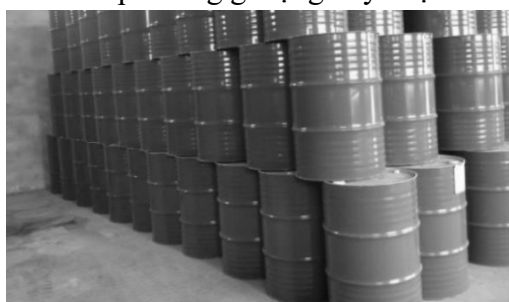
Hình 2 – Một số sản phẩm thương mại tiêu biểu



Thép không gỉ dạng dây cuộn



Hạt nhựa LDPE



Hóa chất PPG



Hóa chất TDI



Găng tay cao su



Găng tay nylon

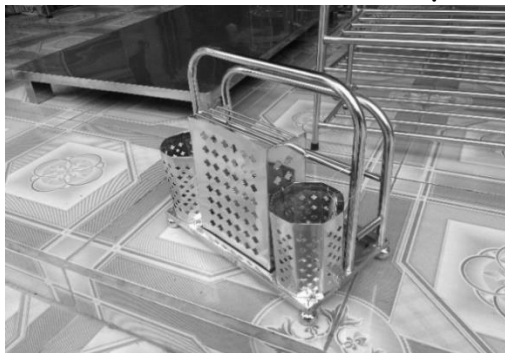


Máy sản xuất khẩu trang

10.1.2 Hoạt động sản xuất

Hoạt động sản xuất là hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty kể từ khi thành lập cho đến nay. Sản phẩm chính của Công ty bao gồm các sản phẩm inox như: đồ gia dụng inox, cổng xếp điện, thiết bị y tế inox, các sản phẩm trang trí nội – ngoại thất làm từ inox, các loại vật tư cơ khí,... Bên cạnh việc sản xuất các sản phẩm inox gia công theo yêu cầu, Công ty phát triển hệ thống các cửa hàng phân phối đồ gia dụng Inox Tùng Khánh tại một số các tỉnh thành như Thái Bình, Quảng Ninh, Ninh Bình, Nam Định, Lạng Sơn, Hà Nam,... Ngoài ra, Công ty còn thực hiện nhập khẩu và gia công đệm Hàn Quốc để phân phối tại thị trường trong nước.

Hình 3 – Một số sản phẩm sản xuất tiêu biểu



Kệ dao thớt, đĩa đa năng



Trạm bát lắp ráp



Cổng trượt tự động



Cổng xếp điện



Barrier tự động



Đệm cao cấp Hàn Quốc

10.1.3 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ



Với thế mạnh sản xuất kinh doanh lâu đời, hệ thống cửa hàng phân phối sản phẩm tại nhiều tỉnh thành trong nước và tạo dựng được uy tín đối với khách hàng, hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		30/06/2021	
		Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)
1	Doanh thu bán hàng hóa	107.236.582.445	79,89	107.264.961.940	81,4	59.387.761.832	92,9
2	Doanh thu bán thành phẩm	26.794.661.357	19,96	23.478.390.572	17,8	7.533.070.957	11,8
3	Doanh thu khác	192.450.000	0,143	1.122.543.916	0,852	1.395.519.500	2,2
4	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	(99.385.926)	(0,075)	(4.388.140.510)	(6,9)
Doanh thu thuần		134.223.693.802	100	131.766.510.502	100	63.928.211.779	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, BCTC Quý II/2021 của Công ty)

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hai mảng hoạt động chính là: thương mại hàng hóa và sản xuất sản phẩm. Doanh thu bán hàng hóa của Công ty đến từ hoạt động thương mại các sản phẩm: thép không gỉ dạng dây cuộn, hạt nhựa LDPE, hóa chất PPG và TDI, gang tay và máy sản xuất khẩu trang. Doanh thu bán sản phẩm là doanh thu từ việc bán các sản phẩm do Công ty sản xuất và gia công, bao gồm đệm cao cấp Hàn Quốc và các sản phẩm inox như: đồ gia dụng, dụng cụ nhà bếp, đồ trang trí nội – ngoại thất,... Doanh thu khác của Công ty đến từ các hoạt động như cung cấp dịch vụ liên quan đến thi công công trình xây dựng, dịch vụ logistics cho các đối tác nước ngoài.

Tổng doanh thu thuần của Công ty năm 2019 đạt 134,2 tỷ đồng, tổng doanh thu thuần năm 2020 đạt 131,7 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,83% so với năm 2019. Trong đó, doanh thu bán hàng hóa đóng góp cao nhất, khoảng 80% tổng doanh thu hàng năm của Công ty, tiếp đến là doanh thu bán thành phẩm đóng góp gần 20%, còn lại là doanh thu khác với tỷ trọng không đáng kể. Tính đến 30/6/2021, Công ty đã ghi nhận Doanh thu thuần 63,9 tỷ đồng, là mức doanh thu tích cực trong bối cảnh hoạt động kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Giai đoạn 2020 - 2021, dịch bệnh Covid-19 bùng phát ngày càng diễn biến phức tạp đã



ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Do đó, việc doanh thu thuần sụt giảm so với năm 2019 đã được Ban lãnh đạo Công ty dự báo và lên kế hoạch ứng phó cũng như điều chỉnh phù hợp. Nhận thấy nhu cầu sản xuất khẩu trang trong nước tăng mạnh từ đầu năm, Công ty đã tận dụng nguồn cung ứng từ các đối tác nước ngoài để nhập khẩu các loại máy móc sản xuất khẩu trang, chủ yếu là từ Trung Quốc, để phân phối cho các khách hàng trong nước. Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng đồ bảo hộ y tế cũng tăng cao do dịch bệnh, đặc biệt là sản phẩm găng tay cao su và găng tay nylon cao cấp. Năm bắt được cơ hội này, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết định mở rộng thêm mảng thương mại sản phẩm găng tay sang thị trường châu Âu, chủ yếu là Cộng hòa Séc, Israel, Phần Lan. Chính nhờ những quyết sách này, doanh thu của Công ty vẫn giữ được sự ổn định trong thời kỳ khó khăn của nền kinh tế, đảm bảo công việc và thu nhập cho người lao động và Cán bộ nhân viên của Công ty.

Bảng 4: Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		30/06/2021	
		Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa	505.163.764	0,38	7.638.163.110	5,8	4.986.782.820	7,8
2	Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm	7.722.560.687	5,75	4.682.142.367	3,55	1.070.161.811	1,67
3	Lợi nhuận gộp từ doanh thu khác	192.450.000	0,14	201.645.105	0,15	1.395.519.500	2,18
4	Khoản giảm trừ	-	-	-	-	(484.811.988)	(0,76)
Tổng		8.420.174.451	6,27	12.422.564.656	9,43	6.967.652.143	10,9

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, BCTC Quý II/2021 của Công ty)

Trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty, lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm luôn có xu hướng cao hơn so với lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa do đặc trưng của mảng hoạt động sản xuất có biên lợi nhuận cao hơn so với biên lợi nhuận của hoạt động thương mại.

Tổng lợi nhuận của Công ty năm 2019 đạt 8,4 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm chiếm tỷ trọng chủ yếu, trên 91% tương đương 7,7 tỷ đồng, lợi nhuận từ bán hàng hóa chiếm gần 6%, còn lại là lợi nhuận từ hoạt động doanh thu khác.

Tổng lợi nhuận của Công ty năm 2020 đạt 12,4 tỷ đồng, tăng 4 tỷ đồng tương đương tăng gần 50% so với năm 2019, trong đó, mức tăng chủ yếu đến từ lợi nhuận bán hàng hóa.



Năm 2020 là một năm khó khăn đối với nền kinh tế nói chung, đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng, do đó lợi nhuận từ bán thành phẩm của Công ty đạt 4,6 tỷ đồng, giảm 40% so với năm 2019. Bên cạnh đó, nhờ việc chuyển hướng sang lĩnh vực thương mại máy móc thiết bị sản xuất khẩu trang và xuất khẩu găng tay y tế, lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa của Công ty tăng hơn 7 tỷ đồng, đóng góp 61,46% vào tổng lợi nhuận cả năm, giúp Công ty có sự tăng trưởng đột phá trước sự ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh.

Tính đến 06 tháng đầu năm 2021, công ty ghi nhận Lợi nhuận gộp hơn 6,9 tỷ đồng tương đương 10,9% Doanh thu thuần. Để đạt được kết quả trên, ban lãnh đạo công ty đã rất nỗ lực trong chỉ đạo hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường kinh tế còn nhiều khó khăn vì dịch bệnh như hiện nay.

10.2. Tài sản

Bảng 5: Giá trị tài sản cố định công ty

STT	Danh mục tài sản	31/12/2020		% Giá trị còn lại/Nguyên giá
		Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	
I	Tài sản cố định hữu hình	27.496.817.502	19.541.026.888	71,06%
1	Nhà cửa vật kiến trúc	22.638.435.334	16.407.957.165	72,48%
2	Máy móc, thiết bị	2.190.995.455	1.380.755.661	63,02%
3	Phương tiện vận tải	2.667.386.713	1.357.787.080	50,9%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	3.122.958.482	2.272.721.835	72,77%
1	Máy móc thiết bị	3.122.958.482	2.272.721.835	72,77%
	Tổng cộng	30.619.775.984	21.813.748.723	71,24%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

Tài sản cố định của Công ty bao gồm: khu đất trụ sở Công ty, nhà xưởng chính, nhà xưởng phụ, cửa hàng, kho bãi, xưởng ngoài trời, các loại máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, cụ thể:

Tài sản cố định – Nhà cửa, vật kiến trúc

STT	Tên tài sản	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời gian sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Trụ sở Công ty	150	Nhà điều hành, khu văn phòng	30 năm	Hợp đồng thuê đất số 59



STT	Tên tài sản	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời gian sử dụng	Hồ sơ pháp lý
2	Nhà xưởng chính	2.040	Sản xuất sản phẩm inox		HĐ/TĐ, ngày 12/11/1999
3	Nhà xưởng phụ 1	586,5	Sản xuất đệm		
4	Nhà xưởng phụ 2	637,5	Sản xuất phụ kiện và Kho chứa hàng		
5	Nhà hóa chất	142	Để đánh bóng, mài hàng inox		
6	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	200	Trung bày và giới thiệu sản phẩm		
7	Đất cho các công trình phụ trợ	500	Nhà bảo vệ, nhà xe, nhà vệ sinh...		
8	Sân bãi, kho và xưởng ngoài trời	5.500	Tập kết hàng, kho phụ, và xuất hàng		

Tài sản cố định: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải

STT	Trang Thiết Bị	Số lượng
	Thiết bị máy móc sản xuất	
1	Máy cuộn công suất 18.7 kw	01
2	Máy đánh bóng inox	01
3	Máy làm nhỏ đầu ống inox	01
4	Máy tạo hoa trên ống inox	02
5	Máy cắt mút tròn	01
6	Máy cuộn công suất 22.2 kw	01
7	Máy uốn lò xo	01
8	Bộ máy chặt hàn, uốn	01
9	Bộ máy máy nén khí + hàn chập	01
10	Máy chặt đầu dây	02
11	Máy tuốt dây	02
12	Máy làm vòng tròn	01
13	Máy hàn chập	03



STT	Trang Thiết Bị	Số lượng
14	Máy hàn chập có ben ngang	01
15	Máy hàn chập có tự động	01
16	Máy uốn 2D	01
17	Máy may trần ADM 90	01
18	Máy tuốt dây thẳng	02
19	Máy xén kim loại hiệu Yunnan	01
20	Máy xén kim loại hiệu NP	01
21	Máy ép thủy lực hiệu YAYA	03
22	Máy hàn kim loại hiệu daien	03
23	Máy đọt dập kim loại hiệu Dobby	05
24	Máy uốn ống hiệu GZHCH	02
25	Máy phay kim loại hiệu Gambin	01
26	Máy ép thủy lực hiệu AMADA	01
	Thiết bị đo lường cơ khí chính xác	
27	Thước cặp 1/20 (Nhật)	10
28	Thước cặp 1/10 (Nhật)	15
29	Thước cặp điện tử	08
30	Panme	08
31	Thước đo sâu	02
32	Thước đo vuông	04
33	Cân điện tử 50 tấn	01
	Phương tiện vận tải, bốc xếp	
34	Xe tải 1.4 tấn	02
35	Xe tải nhỏ 500kg	01
36	Xe bán tải 650kg	01
37	Xe đi kinh doanh công tác	02

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

10.3 Thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động của Công ty chủ yếu là thị trường Việt Nam, do đó doanh thu nội địa chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu hàng năm. Năm 2020, dưới tác động của dịch bệnh Covid-19 và chiến lược phát triển hoạt động thương mại các sản phẩm y tế, doanh thu xuất khẩu của Công ty có sự gia tăng mạnh mẽ so với năm 2019. Cụ thể được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 6: Doanh thu theo thị trường hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	%/DTT	Năm 2020	%/DTT
1	Doanh thu nội địa	133.020.569.828	99,1%	95.848.599.021	72,7%
2	Doanh thu xuất khẩu	1.203.123.974	0,89%	35.917.911.481	27,3%
	Tổng cộng	134.223.693.802	100%	131.766.510.502	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Năm 2020, trước tình hình khó khăn của dịch bệnh Covid-19 tới nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với sự nỗ lực và định hướng chiến lược phát triển đúng đắn của Ban lãnh đạo Công ty trong việc phát triển thêm các hoạt động thương mại sản phẩm y tế phục vụ cho việc phòng chống dịch bệnh Covid-19 diễn ra trên toàn cầu, Công ty đã có lợi nhuận ấn tượng, tăng gần 50% so với cùng kỳ năm 2019.

10.5. Các hợp đồng lớn

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay tập trung chính vào kinh doanh các sản phẩm inox do Công ty sản xuất trực tiếp và thương mại các sản phẩm y tế. Hầu hết các hợp đồng có giá trị lớn đều là hợp đồng với các đối tác lâu năm của Công ty. Công ty thường ký kết Biên bản thỏa thuận/Hợp đồng nguyên tắc về việc cung ứng sản phẩm với các Khách hàng. Trên cơ sở của Biên bản thỏa thuận/Hợp đồng nguyên tắc, khi Khách hàng phát sinh nhu cầu nhập hàng, Công ty và Khách hàng sẽ tiến hành ký kết thêm các Hợp đồng thực hiện.

Dưới đây là danh sách khách hàng lớn đã ký kết các hợp đồng cung cấp sản phẩm của Công ty:

Bảng 7: Danh sách các hợp đồng tiêu biểu giai đoạn 2019-2020



STT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Thời gian ký kết và thực hiện	Sản phẩm	Tổng giá trị	Mối quan hệ với Công ty
1	Công ty TNHH Ngọc Long	01-44/ 2019/TK-NL	02-12/2019	Hóa chất PPG, hạt nhựa LDPE	69.210.240.000	Không
2	Công ty cổ phần Thương mại Hoàng Hải	01-10/2019/ TK-CPHH	Tháng 01- 09/2019	Thép không gỉ, vải gấm, thép các loại	12.222.499.520	Không
3	Công ty TNHH Thương mại Hoàng Hải Hưng Yên	01-06/2019/ TK-HH	Tháng 02- 05/2019	Vải gấm, hóa chất PPG, thép không gỉ	12.449.996.152	Không
4	CTCP TM XNK Và Kết Cấu Thép Hưng Thịnh Phát	HĐMB/TK – HTP/2019	02-10/2019	Thép tấm các loại, cửa cuốn, thanh nẹp, giấy ráp cuốn	10.254.342.103	Không
5	Bhw Import And Marketing Ltd	01-TK-BHW: 2002569802	23/09/2020	Găng tay HDPE	2.113.432.745	Không
6	Công ty TNHH Đại Đức Tân	01/06-2020TK	01/06/2020	Máy sản xuất khẩu trang	5.878.400.000	Không
7	DEFIMEX SA	01,02,03 – TK - DEFIMEX	Tháng 4,5,6/2020	Găng tay HDPE	3.234.186.347	Không
8	CTCP Hoàng Long Bắc Kạn	01HĐMB/ 18.11.2020	18/11/2020	Găng tay	1.742.037.000	Không
9	IHESKEL AHARON (CHEMIFROD) LTD	01-TK-IHE	12/06/2020	Găng tay nhựa HDPE	15.574.236.085	Không
		02-TK-IHE	03/08/2020	Găng tay Viny		
		02-TK-IHE – White nitrile glove	10/08/2020	Găng tay nitrile		
		02-TK-IHE – Latex glove	10/08/2020	Găng tay cao su		
		03-TK-IHE - GLOVE	12/08/2020	Găng tay HDPE		
10	CTCP Bạch Đằng 5	1402/2020/HĐ /ĐĐ5 - TK	14/02/2020	Thi công công trình	4.530.782.211	Không
11	CTCP Thương mại và Sản xuất Toàn An Khánh	01.2020- 41.2020/ HĐKT/ TAK- TK	01-12/2020	Cổng inox, giá đỡ inox, cổng barrier	7.283.634.602	Không
12	CTCP TM XNK và kết cấu thép Hưng Thịnh Phát	HĐMB/TK – HTP/2020	01/02/2020	Thép tấm, thép góc	3.036.443.533	Không



STT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Thời gian ký kết và thực hiện	Sản phẩm	Tổng giá trị	Mối quan hệ với Công ty
13	CTCP Xây lắp thiết bị phương tiện giao thông Vinamex	01,2,3/ TK-VNM	Tháng 07,11,12/ 2020	Vải dệt thoi, vải gấm	6.916.503.990	Không
14	Valsons Traders Exportaciones	01,2,3,4 – TK – VALSON	Tháng 04-10/2020	Găng tay nhựa HDPE, găng tay PVC trong suốt	4.650.841.423	Không
15	Techno packing SL New york	01,2,3 – TK - TECHNO	Tháng 04,05/2020	Găng tay nhựa HDPE, Găng tay Nitrile	9.144.254.372	Không
16	CT TNHH Ngọc Long	01-42.2020/TK - NL	Tháng 01-12/2020	Hạt nhựa, hóa chất PPG, TDI, keo ép mút	57.808.488.200	Không
Tổng cộng					226.050.318.283	

(Nguồn: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 8: Danh sách nhà cung cấp, khách hàng tiêu biểu giai đoạn 2019- 6tháng/2021

STT	Tên nhà cung cấp/khách hàng	Thời gian mua hàng	Sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng	Mối quan hệ với Công ty
Một số nhà cung cấp lớn:					
1	CTCP XNK TM Khánh Linh	30/08/2019	Thép không gỉ dạng dây cuộn, dạng cây đặc,....	929.927.463	Không
2	CTCP TNHH XNK Sắt thép Việt Á	07/06/2019	Thép không gỉ dạng tấm, dạng cuộn	2.257.486.000	Không
3	CTCP Vận tải và Thương mại Veam	02/07/2020	Thép không gỉ dạng dây cuộn	972.208.215	Không
4	CT TNHH Đầu tư sản xuất Gia Thành	05/09/2020	Hóa chất PPG	1.694.000.000	Không
5	CTCP XNK TM Khánh Linh	04/03/2021	Thép không gỉ, ống inox,...	940.324.400	Không
6	CT TNHH Đầu tư sản xuất Gia Thành	27/02/2021	Hạt nhựa	1.524.600.000	Không
Một số khách hàng lớn:					
1	Công ty TNHH Ngọc Long	2019	Hóa chất PPG, hạt nhựa LDPE	69.210.240.000	Không



STT	Tên nhà cung cấp/khách hàng	Thời gian mua hàng	Sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng	Mối quan hệ với Công ty
2	Công ty cổ phần Thương mại Hoàng Hải	2019	Thép không gỉ, vải gấm, thép các loại	12.222.499.520	Không
3	Công ty TNHH Thương mại Hoàng Hải Hưng Yên	2019	Vải gấm, hóa chất PPG, thép không gỉ	12.449.996.152	Không
4	CT TNHH Ngọc Long	2020	Hạt nhựa, hóa chất PPG, TDI, keo ép mút	57.808.488.200	Không
5	CTCP Xây lắp thiết bị phương tiện giao thông Vinamex	2020	Vải dệt thoi, vải gấm	6.916.503.990	Không
6	Techno packing SL New york	2020	Găng tay nhựa HDPE, Găng tay Nitrile	9.144.254.372	Không
7	IHESKEL AHARON (CHEMIFROD) LTD	2020	Găng tay Viny, cao su, nitrile, HDPE	15.574.236.085	Không

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

10.7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

10.7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Đối với mảng hoạt động thương mại, hàng hóa của Công ty đã được vận chuyển khắp Bắc – Trung – Nam, tuy nhiên việc nhận diện thương hiệu của Công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, phần lớn là do đặc điểm ngành thương mại của Việt Nam chưa có thói quen gắn mác thương mại kết hợp với mác của nhà sản xuất. Ngược lại, ở mảng hoạt động sản xuất đồ inox, thương hiệu Tùng Khánh đã được khẳng định trên thị trường qua hơn 20 năm hoạt động. Sản phẩm đồ inox của Công ty tuy chưa được phân phối rộng khắp trên các tỉnh thành của cả nước, nhưng lại rất có tiếng và được các bạn hàng biết đến tại các thị trường mục tiêu như: Hải Phòng, Hà Nam, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Bắc Ninh. Việc gắn nhãn mác đập nổi thương hiệu “Tùng Khánh” được thực hiện trên từng sản phẩm, và được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi xuất xưởng. Đồ gia dụng và trang trí nội – ngoại thất inox Tùng Khánh luôn được gắn liền với uy tín và chất lượng. Bên cạnh đó, sản xuất đệm Hàn Quốc cao cấp đang được Công ty triển khai trong vài năm trở lại đây và cũng dần khẳng định tên tuổi của mình trên thị trường, xứng đáng với hình ảnh thương hiệu “Tùng Khánh” uy tín và chất lượng. Sản phẩm của Công ty có sức cạnh tranh cao trên thị trường. Hiện tại, mạng lưới nhà phân phối sản phẩm của Công ty vẫn đang được phát triển với gần 50 đại lý phân phối cấp 1 và các showroom trưng bày trên thị trường các tỉnh thành miền Bắc.



Tuy nhiên lợi thế cạnh tranh lớn nhất được ban lãnh đạo Công ty xác định chính là nguồn lực con người. Sự tinh gọn trong cơ cấu tổ chức và vận hành bộ máy quản lý; cùng với lực lượng lao động của Công ty dồi dào, có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất; vận hành các thiết bị máy móc sản xuất áp dụng kỹ thuật công nghệ cao; tất cả đã tạo nên sự thành công và đảm bảo tương lai phát triển của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh trong nhiều năm sắp tới.

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Thương mại là hoạt động không thể thiếu đối với tất cả các nền kinh tế. Công ty đang thực hiện thương mại một số sản phẩm chính, bao gồm: hạt nhựa, hóa chất, thép cuộn không gỉ, găng tay (cao su và nylon), máy móc thiết bị sản xuất khẩu trang. Hiện tại, nhu cầu sản xuất nhựa là rất lớn. Theo báo cáo của Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA), tuy là một ngành mới nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành này vào khoảng 16% - 18% trong vòng 5 năm trở lại đây, và dự báo sẽ tăng lên 20% vào năm 2021, trong đó có những mặt hàng tăng 100%, thể hiện sức nóng của ngành sản xuất nhựa. Hiện tại, Việt Nam đang có khoảng 4.000 doanh nghiệp hoạt động trong ngành này, điều này đảm bảo cho triển vọng phát triển thương mại các nguyên vật liệu phụ trợ cho ngành sản xuất nhựa như: hạt nhựa, và hóa chất phụ gia. Cùng với đó, thương mại thép không gỉ của Việt Nam luôn sôi động. Thép không gỉ, với những ứng dụng rộng rãi của nó, có ảnh hưởng rất lớn tới nhiều ngành, và lĩnh vực sản xuất trong nền kinh tế, đặc biệt là sản xuất các chi tiết dụng cụ đòi hỏi sự tinh xảo với độ bền cao. Hoạt động thương mại thép không gỉ sẽ còn tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong nhiều năm nữa.

Đại dịch Covid – 19 đã nâng cao ý thức của người dân: bảo vệ đường hô hấp và sức khỏe của mình khỏi khói bụi, và virus, vi khuẩn gây bệnh, bằng việc đeo khẩu trang thường xuyên khi đi ra đường. Chính vì vậy, nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị sản xuất khẩu trang sẽ còn được duy trì trong vài năm tới, cho đến khi cầu thị trường trở nên bão hòa. Đối với xuất khẩu găng tay cao su và găng tay nylon, phục vụ cho ngành y tế và ngành thực phẩm, thị trường xuất khẩu của Công ty tập trung vào các nước thuộc khối liên minh Châu Âu, là những quốc gia có nền y tế phát triển, có tiêu chuẩn, chuẩn mực, và ý thức vệ sinh rất cao, cho nên, nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm găng tay y tế và găng tay thực phẩm là rất lớn và ổn định. Với các hợp đồng xuất khẩu đã được ký kết, lĩnh vực thương mại găng tay được xem là “cứu cánh” cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020 đầy khó khăn, và cũng là tiền đề để ban lãnh đạo Công ty cân nhắc, xây dựng kế hoạch phát triển sang một lĩnh vực tiềm năng mới.

Nhu cầu sử dụng sản phẩm inox thay thế cho các sản phẩm làm từ gỗ và nhựa đang ngày càng tăng cao do tính ưu việt của inox: giá cả phải chăng, gọn, nhẹ, và bền bỉ với thời gian. Trong khi nguồn cung cho thị trường thành thị đã sắp đạt tới mức dư thừa, thị trường tại các vùng nông thôn vẫn còn rất tiềm năng để phát triển, đây cũng là thị trường mà Công ty đang muốn đẩy mạnh trong thời gian tới. Ngoài ra, Công ty cũng đang bước đầu tìm hiểu và



đặt mối quan hệ lâu dài với một số đối tác nước ngoài tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ và một vài nước Đông Nam Á, làm tiền đề cho việc đưa sản phẩm của Công ty ra thị trường quốc tế.

Việt Nam ký kết các Hiệp định thương mại, tuy đang tạo ra một thị trường cạnh tranh gay gắt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhưng cũng là hy vọng cho việc phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa dễ dàng hơn, mở ra thị trường rộng lớn không biên giới. Ban lãnh đạo Công ty cũng nhận thức rõ được điều này nên không ngừng cố gắng nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm của mình với mong muốn biến thách thức thành cơ hội.

10.7.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Trong thời gian tới, công ty tiếp tục định hướng phát triển tập trung vào các mặt hàng kinh doanh truyền thống lâu đời của công ty. Bên cạnh hoạt động sản xuất, công ty tiếp tục phát triển mạng lưới phân phối thương mại của mình; phát triển bộ phận nghiên cứu sản phẩm để lựa chọn sản phẩm thương mại hiệu quả và được thị trường đón nhận tốt.

Với triển vọng lạc quan của ngành, cùng định hướng phát triển công nghiệp của nhà nước, cũng như tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam có thể thấy định hướng của Công ty tương đối phù hợp với định hướng phát triển ngành và chính sách của Nhà nước. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch phát triển mà Công ty đề ra là có tính khả thi cao.

10.8. Hoạt động Marketing

Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm. Với phương châm “mỗi cán bộ công nhân viên trong Công ty là một hạt nhân quảng bá hình ảnh, thương hiệu và sản phẩm của Công ty ra thị trường”, Ban lãnh đạo Công ty tổ chức định kỳ các buổi đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, các buổi tọa đàm về sản phẩm và nhận diện thương hiệu, giúp cán bộ công nhân viên hiểu hơn về sản phẩm của Công ty. Trong những năm vừa qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing và đạt được những hiệu quả cao. Sản phẩm của Công ty được nhiều khách hàng và đối tác trong và ngoài nước biết và tìm đến. Hiện tại, Công ty đang áp dụng chiến lược marketing-mix (4P) bao gồm:

❖ Sản phẩm (Products)

Hoạt động nghiên cứu thị trường luôn được Công ty chú trọng hàng đầu, nhằm đưa ra các kế hoạch cải tiến và phát triển sản phẩm phù hợp với xu thế và thị yếu của thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm có chất lượng tốt hơn, tối ưu hơn như tăng độ bền, độ sáng bóng, độ tinh xảo, chống cong vênh,... so với các dòng sản phẩm hiện tại. Quá trình quản trị chất lượng khép kín được áp dụng từ khâu lựa chọn nguồn cung tới khâu vận



chuyển thành phẩm tới tay Khách hàng. Mục đích cuối cùng và tiên quyết của chính sách sản phẩm là đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của Khách hàng.

❖ **Chính sách giá cả (Price)**

Bên cạnh chất lượng sản phẩm, chính sách giá cả là yếu tố quyết định đến tính cạnh tranh trong mọi lĩnh vực kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng duy trì chính sách giá đồng bộ và nhất quán cho hệ thống phân phối, giúp giá cả đến tay người tiêu dùng luôn ổn định. Để thực hiện bình ổn giá và cung cấp sản phẩm chất lượng với mức giá hợp lý nhất, Công ty luôn chủ động đa dạng hóa nguồn cung, giảm tối đa các chi phí không cần thiết, xây dựng kế hoạch lưu kho hợp lý thông qua báo cáo dự báo nhu cầu của thị trường cho từng dòng sản phẩm.

❖ **Hoạt động xúc tiến thương mại (Promotion)**

Giá trị của một doanh nghiệp không chỉ đơn thuần thể hiện qua doanh thu, lợi nhuận và tài sản của doanh nghiệp mà còn thể hiện qua hình ảnh, thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường. Nhận thức rõ được điều đó, ngay từ những ngày đầu thành lập, Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng nỗ lực quảng bá thương hiệu Tùng Khánh trên thị trường gắn với “chất lượng và uy tín”. Sau hơn 20 năm hoạt động và phát triển, thương hiệu sản phẩm inox Tùng Khánh và đệm Hàn Quốc cao cấp Tùng Khánh đã được khẳng định, được nhiều khách hàng và đối tác ghi nhận.

Công ty đã và đang hướng tới việc xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu thông qua việc xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu như: gắn nhãn, đặt tên thương hiệu, thiết kế logo, slogan,... và đăng ký bản quyền thương hiệu sản phẩm tại Cục Sở hữu Trí tuệ. Ban lãnh đạo Công ty cũng tích cực mang các sản phẩm của Công ty tham gia các hội chợ, triển lãm ngành, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, sự kiện gây quỹ,... và đã được trao một số bằng khen, giấy khen ghi nhận những đóng góp của Công ty trong các sự kiện và những đóng góp vào sự phát triển của ngành. Bên cạnh việc quảng bá sản phẩm trực tiếp, Công ty cũng thực hiện quảng bá sản phẩm thông qua phương tiện thông tin đại chúng như website Công ty, website chuyên ngành liên quan.

❖ **Các kênh phân phối (Place)**

Đối với thị trường trong nước, Công ty đang liên kết hợp tác với một số nhà phân phối độc lập tại một số tỉnh miền Bắc như: Thái Bình, Nam Định, Quảng Ninh, Hà Nam, Ninh Bình,... để phân phối các sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đang triển khai mở rộng thị trường phân phối sản phẩm sang các tỉnh Tây Bắc và các tỉnh miền Trung.

Đối với thị trường nước ngoài, Công ty xây dựng kế hoạch thăm dò, nghiên cứu thị trường, tìm kiếm các đối tác để ký kết hợp đồng phân phối độc quyền; qua đó tạo điều kiện

cho sản phẩm của Công ty gia nhập thị trường nước ngoài dễ dàng hơn và có thể cạnh tranh sòng phẳng với các sản phẩm nội địa của nước sở tại.

10.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các sản phẩm của Công ty (dập nổi trên sản phẩm) tính đến thời điểm hiện tại. Hiện tại Công ty đã tiến hành đăng ký bản quyền nhãn hiệu và sở hữu trí tuệ với bộ nhận diện thương hiệu sản phẩm của Công ty bao gồm cả logo và nhãn hiệu trên.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong những năm gần đây, các đồ dùng làm bằng inox, được đánh giá cao về độ bền và đẹp, đang trở nên phổ biến tại các gia đình Việt Nam, thay thế dần các sản phẩm làm từ gỗ và nhựa. Ngành sản xuất đồ inox, được các chuyên gia kinh tế đánh giá, là một trong các ngành có tốc độ phát triển nhanh, với nhiều cải tiến về mẫu mã, và công nghệ sản xuất, để đáp ứng với nhu cầu phong phú của khách hàng. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới đang trở thành lợi thế cạnh tranh quan trọng cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành. Việc cải tiến công nghệ, đưa ra những sản phẩm mới với đặc tính vượt trội, mẫu mã bắt mắt, phù hợp với nhu cầu, và thị yếu của khách hàng, sẽ giúp các doanh nghiệp nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường. Nhận thức được vấn đề, ban lãnh đạo Công ty cũng có những chính sách thiết thực, nhằm thúc đẩy việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Đồng thời, Công ty luôn quan tâm đúng mức tới việc phát triển và đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao. Cùng với đó là các chính sách khuyến khích công nhân tại các đơn vị, phân xưởng sản xuất đưa ra các ý tưởng cải tiến quy trình sản xuất và sản phẩm để áp dụng vào thực tế sản xuất của doanh nghiệp. Họ là những người trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, nên các ý tưởng cải tiến thường có giá trị ứng dụng rất cao. Dựa vào báo cáo nghiên cứu thị trường của Phòng kinh doanh, kết hợp với sự tham vấn của các chuyên gia kỹ thuật, ban lãnh đạo Công ty tiến hành xây dựng và thiết kế các đề án phát triển sản phẩm mới nhằm phù hợp với thị yếu và nhu cầu của thị trường mục tiêu. Bên cạnh đó, các phòng ban, bộ phận khác có liên quan đến kinh doanh và kỹ thuật sản xuất luôn có sự phối hợp chặt chẽ, trao đổi thông tin nhằm nắm bắt nhu cầu của thị trường, theo dõi công nghệ của đối thủ cạnh tranh, đưa ra các chính sách phát triển sản phẩm mới cho hợp lý và hiệu quả.



Đối với hoạt động sản xuất đậm cao cấp, Công ty chủ trương học hỏi mẫu mã và chuyên giao kỹ thuật. Ngành sản xuất đậm cao cấp là một ngành có mức độ cạnh tranh cao, do công nghệ sản xuất đậm tương đối đơn giản nên có rất nhiều doanh nghiệp với đủ các quy mô tham gia vào thị trường này. Bộ phận kinh doanh đậm của Công ty luôn tích cực tham gia các hội chợ, triển lãm đậm trong và ngoài nước, nhằm tìm kiếm liên kết với các nhà sản xuất khác để chia sẻ kinh nghiệm và công nghệ sản xuất, học hỏi phát triển mẫu mã sản phẩm. Cùng với đó, hoạt động nghiên cứu thị trường thường xuyên được triển khai định kỳ nhằm nắm bắt được xu hướng phát triển thị yếu, gu thẩm mỹ của khách hàng tại các thị trường mục tiêu, làm căn cứ để cải tiến sản phẩm đậm cao cấp của Công ty.

Trong năm 2020, chính nhờ hoạt động nghiên cứu thị trường và dự báo về nhu cầu sản phẩm mới của đội ngũ kinh doanh, đã giúp Công ty bổ sung thêm hoạt động thương mại: xuất khẩu găng tay và nhập khẩu máy móc sản xuất khẩu trang. Hai lĩnh vực hoạt động này đã và đang đóng góp đáng kể vào tổng lợi nhuận gộp của Công ty, giúp Tùng Khánh có một bức tranh tăng trưởng khả quan hơn so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành, cùng quy mô, tại địa phương, trước những khó khăn mà đại dịch thế giới gây ra.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Trong thời gian tới, công ty tiếp tục duy trì chiến lược kinh doanh tập trung vào các mặt hàng kinh doanh truyền thống lâu đời của công ty. Bên cạnh hoạt động sản xuất, công ty tiếp tục phát triển mạng lưới phân phối thương mại của mình; phát triển bộ phận nghiên cứu sản phẩm tạo sự nhanh nhạy phản ứng thị trường để lựa chọn sản phẩm thương mại hiệu quả và được thị trường đón nhận tốt.

- Về quản trị doanh nghiệp:
 - Xây dựng Công ty Tùng Khánh thành doanh nghiệp có cơ cấu quản trị điều hành, môi trường làm việc chuyên nghiệp.
 - Đào tạo phát triển quản trị nguồn nhân lực chiến lược; Nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển tài năng của người lao động, có chế độ đãi ngộ xứng đáng cả về vật chất và tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Về công tác quản lý tài chính:
 - Công tác quản lý tài chính gắn chặt với hoạt động bán hàng và thu hồi công nợ nên cần tiếp tục sàng lọc, lựa chọn khách hàng, đảm bảo an toàn và tăng vòng quay của dòng vốn;
 - Quản lý hệ thống kế toán kịp thời, minh bạch. Các sổ sách, chứng từ được phòng tài chính – kế toán lưu trữ và bảo quản cẩn thận.



- Quản trị tốt nhất hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ đầu vào, phù hợp với sự biến động của thị trường đầu ra, dự trữ hàng hóa, nguyên vật liệu ở mức độ hợp lý, tránh để tồn kho ứ đọng làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.
- Về công tác thị trường, hoạt động Marketing:
 - Đặc biệt quan tâm và làm tốt công tác điều tra, nắm bắt thị trường; Tổ chức mạng lưới bám sát và nắm bắt thị trường để có các quyết sách tối ưu trong định hướng kinh doanh;
 - Theo sát khách hàng, hợp tác giải quyết triệt để những vấn đề vướng mắc phát sinh sau bán hàng; biến chất lượng dịch vụ trước, trong và sau bán hàng trở thành hoạt động marketing thiết thực và sâu sắc nhất;
 - Đảm bảo cung cấp những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, giá cả hợp lý nhất, cách thức phục vụ chuyên nghiệp nhất nhằm thỏa mãn và làm hài lòng cho các khách hàng, luôn đồng hành và phát triển cùng với khách hàng.
- Về công tác sản xuất - kinh doanh tiêu thụ sản phẩm:
 - Giám sát chặt chẽ quy trình nhập đầu vào hàng hóa; quy trình sản xuất tại các phân xưởng nhà máy. Tăng cường hơn nữa công tác kiểm soát, quản lý chất lượng sản phẩm;
 - Coi công tác tiêu thụ sản phẩm là nhiệm vụ trọng tâm quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Công ty;
 - Tiếp tục củng cố và xây dựng mạng lưới tiêu thụ trong phạm vi khu vực phía Bắc và mở rộng dần địa bàn trên cả nước.
 - Đào tạo nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ sản xuất cũng như đội ngũ bán hàng và đặc biệt là bộ phận làm công tác thị trường;
 - Xây dựng chính sách giá cả, chính sách bán hàng hợp lý, mềm dẻo. Đặc biệt chú trọng vào những khách hàng truyền thống, gắn bó lâu dài, giữ được uy tín trong thanh toán với Công ty.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động của Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên làm việc hiệu quả, chuyên nghiệp và năng động. Số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty bình quân năm 2019 và 2020 đều là 63 người. Chi tiết cụ thể như sau:

**Bảng 9: Cơ cấu lao động của Công ty**

Loại lao động	Năm 2019		Năm 2020	
	Số lượng (người)	% (Tỷ lệ)	Số lượng (người)	% (Tỷ lệ)
<i>Phân loại theo trình độ học vấn/chuyên môn</i>	63	100	63	100
- Trên đại học	2	3,17	2	3,17
- Đại học	6	9,52	6	9,52
- Cao đẳng	8	12,7	8	12,7
- Trung cấp kỹ thuật	16	25,4	16	25,4
- Lao động phổ thông	31	49,21	31	49,21
<i>Phân loại theo tính chất công việc</i>	63	100	63	100
- Lao động gián tiếp	16	25,4	16	25,4
- Lao động trực tiếp	47	74,6	47	74,6

(Nguồn: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

11.2. Chế độ làm việc

- **Thời gian làm việc:** Thời gian làm việc 8 tiếng/ngày theo quy định của công ty. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ công nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định Pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- **Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết:** Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động.

- **Nghỉ ốm đau, thai sản:** Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm đau, thai sản sẽ được hưởng trợ cấp từ Quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

- **Điều kiện làm việc:** Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp tại các nhà máy sản xuất, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.



11.3. Chính sách tuyển dụng

- Việc cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy sao cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được ban lãnh đạo quan tâm thực hiện. Công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý được tiến hành công khai, thận trọng và đúng quy trình; cán bộ quản lý đương nhiệm và được bổ nhiệm mới trong năm đều có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân.

- Công tác tuyển dụng mới lao động cũng được thực hiện công khai và có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng. Việc tuyển dụng dựa trên tình hình thực tế nhu cầu sử dụng lao động của Công ty để xác định số lượng tuyển dụng cho phù hợp, tận dụng tối đa nguồn nhân lực trong hoạt động kinh doanh.

11.4. Chính sách đào tạo

Công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho các cán bộ công nhân viên luôn được Công ty quan tâm thực hiện:

- Đối với lao động trực tiếp: Công ty chú trọng đào tạo tại chỗ trong quá trình làm việc, bên cạnh đó Công ty cũng khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động tham gia các lớp học chuyên môn để nâng cao trình độ tay nghề.

- Đối với lao động tại các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật: được tham gia các khóa đào tạo, lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức kỹ thuật. Đặc biệt, Công ty luôn tạo điều kiện để người lao động được cập nhật, tiếp xúc với công nghệ mới thông qua các buổi hội thảo và trải nghiệm trực tiếp.

- Đối với nhân viên khối văn phòng: Công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các nhân viên tham gia các lớp học nâng cao nghiệp vụ.

11.5. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức lương bình quân 2020 đối với cán bộ công nhân viên Công ty ở mức 7.000.000 đồng/tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời



đôi với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí và tiết kiệm cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Luật lao động, Nội quy lao động đã đề ra. Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, phối hợp cùng với tổ chức Công đoàn của Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách phúc lợi như ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ ..., tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho Cán bộ công nhân viên.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Khi trả cổ tức, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp. Cổ đông được nhận cổ tức là những cổ đông có trong danh sách cổ đông tại ngày chốt hưởng quyền nhận cổ tức theo quy định của công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Do Công ty tập trung các nguồn lực tài chính vào việc phát triển mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư một số dự án trong những năm sắp tới, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 nhất trí quyết định chưa chia cổ tức. Từ khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, Công ty vẫn chưa tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông, dự kiến Công ty sẽ tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ tức được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Không có.

**14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành**

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Không có.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**1. Kết quả hoạt động kinh doanh****1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/giảm 2020/2019	30/06/2021
Tổng tài sản	81.869.900.140	93.586.804.881	14,31	95.017.195.696
Doanh thu thuần	134.223.693.802	131.766.510.502	(1,83)	63.928.211.779
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.525.008.765	3.906.531.366	10,82	1.085.328.775
Lợi nhuận khác	526.331.167	33.274.884	(93,68)	-5.028.191
Lợi nhuận trước thuế	4.051.339.932	3.939.806.250	(2,75)	1.080.300.584
Lợi nhuận sau thuế	3.001.941.939	3.188.961.544	6,23	864.800.584
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-	0%
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần	11.371	12.060	6,05	12.246



(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, BCTC Quý II/2021 của Công ty)

Tổng tài sản của Công ty năm 2020 đạt hơn 93 tỷ đồng, tăng 11,7 tỷ tương đương 14,3% so với năm 2019. Mức tăng này chủ yếu đến từ tăng lượng hàng tồn kho của Công ty, do năm 2020, Công ty phát triển thêm mảng thương mại các sản phẩm y tế phục vụ cho việc phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên lượng hàng hóa tồn kho của tại thời điểm ghi nhận báo cáo tăng lên.

Năm 2020, Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt hơn 3,1 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2019. Tính đến 30/6/2021, Tổng tài sản của công ty tăng lên mức hơn 95 tỷ đồng, ghi nhận Lợi nhuận sau thuế của là 864,8 triệu đồng. Trước sự ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 đến nền kinh tế thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam nói riêng, việc duy trì được kết quả kinh doanh của Công ty có thể coi là một thành công lớn trong việc định hướng phát triển của Ban lãnh đạo và sự nỗ lực không hề nhỏ của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.

1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

1.2.1. Những nhân tố tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty:

1.2.1.1. Những nhân tố thuận lợi

➤ *Chính sách khuyến khích của chính quyền địa phương và của Nhà Nước:*

Nghề sản xuất sắt thép được coi là nghề truyền thống, nổi tiếng từ bao đời nay của thành phố Hải Phòng. Hiện nay, chính quyền Hải Phòng đang chủ trương phát triển quy hoạch làng nghề tại các địa phương theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước, với các chính sách khuyến khích hoạt động sản xuất kinh doanh tự phát nhỏ lẻ tập trung trở thành các doanh nghiệp hoạt động quy củ và có đăng ký giấy phép kinh doanh. Cùng với đó là chủ trương công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, phát triển ngành sản xuất trong nước, đặc biệt là sản xuất tiêu dùng làm thế mạnh, cũng là một lợi thế cho các doanh nghiệp sản xuất đồ gia dụng, đồ trang trí inox và đệm cao cấp như CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh. Hơn thế nữa, Nhà nước cũng đưa ra các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ cao vào sản phẩm sản xuất của mình trong thời đại 4.0 hiện nay. Điều này tạo động lực cho ban lãnh đạo Công ty mạnh dạn mở rộng sản xuất các mặt hàng tự động hóa và có yếu tố điện tử công nghệ cao như: barrier tự động, cửa trượt tự động, công xép điện tử,...

➤ *Nguồn nhân lực:*

Ban lãnh đạo Công ty là những con người năng động, có kinh nghiệm, và nhạy bén đã xây dựng kế hoạch phát triển ngắn – trung – dài hạn cho Công ty một cách có hệ thống, phù hợp với năng lực hoạt động, tiềm lực tài chính của Công ty và xu hướng phát triển vĩ mô của ngành và nền kinh tế. Chính những con người này đã đưa ra quyết sách chuyển hướng hoạt động kinh



doanh găng tay và máy móc nhỏ, giúp Công ty có nguồn thu ổn định trong thời gian khó khăn của dịch bệnh trong năm 2020. Cùng với đó, đội ngũ chuyên gia, lao động kỹ thuật công nghệ có kiến thức chuyên sâu, nhiều kinh nghiệm và nguồn nhân công thâm niên, lành nghề, chủ yếu được tuyển dụng ngay tại địa phương là một lợi thế lớn của Công ty.

➤ *Nguồn lực phục vụ sản xuất:*

Nguồn lực phục vụ sản xuất bao gồm: máy móc, trang thiết bị và các yếu tố đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất luôn được quan tâm đúng mức. Trang thiết bị kỹ thuật, máy móc sản xuất của công ty luôn được bảo trì bảo dưỡng, và có phương án thay thế khi cần thiết, nhằm đảm bảo số lượng, và chất lượng phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, giảm thiểu tối đa những rủi ro từ việc gián đoạn sản xuất. Máy móc của Công ty đều được nhập khẩu từ các nước có trình độ công nghệ kỹ thuật sản xuất phát triển, tạo điều kiện cho Công ty trong việc triển khai tự động hóa từng phần dẫn tới tự động hóa hoàn toàn, giúp cho việc quản trị chất lượng sản phẩm dễ dàng hơn. Nguồn nguyên vật liệu đầu vào ổn định, nhờ mạng lưới nhà cung ứng chiến lược, phân thành nhiều cấp, luôn đáp ứng đủ về cả số lượng và chất lượng cho quá trình sản xuất và kinh doanh thương mại.

1.2.1.2. Những nhân tố khó khăn

➤ *Tình hình kinh tế:*

Tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động phức tạp, đặc biệt là tình hình căng thẳng trong quan hệ thương mại Mỹ – Trung, đã tác động tiêu cực tới giá cả hàng hóa nhập khẩu – xuất khẩu của Việt Nam. Inox được sản xuất từ sắt thép nhưng nguồn phôi sắt thép nhập khẩu của Việt Nam chủ yếu đến từ Trung Quốc đã gây nhiều khó khăn trong việc sản xuất sắt thép nói chung và sản xuất inox nói riêng. Bên cạnh đó, nguồn nhập khẩu inox của Việt Nam đến từ Hàn Quốc, nhưng do tỷ giá bị thay đổi nên giá cả nhập khẩu cũng bị biến động tương ứng, khiến các doanh nghiệp nhập khẩu inox và sản xuất đồ inox gặp rất nhiều khó khăn trong việc quản lý chính sách giá của mình. Ngoài ra, các cuộc chiến tranh thương mại như: chiến tranh thương mại Mỹ – Trung, Nhật – Trung, Hàn – Nhật diễn ra phức tạp, các doanh nghiệp như Công ty sẽ vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong các năm tiếp theo, đặc biệt là tỷ giá và giá cả nguyên liệu đầu vào phải nhập khẩu. Năm 2020, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế của các quốc gia nói riêng rơi vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái do những tác động tiêu cực, không thể lường trước từ đại dịch Covid – 19, khiến cho hoạt động thông thương nội địa và quốc tế đều bị đình trệ, gây thiệt hại lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Công ty Tùng Khánh.

➤ *Sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài:*

Năm 2019 năm ký kết các hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và các nước, các khu vực kinh tế trên thế giới, trong khi đó, năm 2020 chính là năm bản lề cho việc thực hiện



triển khai các hiệp định này. Việc mở cửa hội nhập nền kinh tế, giảm hàng rào thuế quan tiến tới thuế quan về 0 giữa các nước trong hiệp định thương mại là cơ hội, và thách thức đối với các doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp sản xuất với quy mô nhỏ như CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh, đây là một thách thức vô cùng lớn khi phải cạnh tranh với các nhà sản xuất từ nước ngoài có trình độ công nghệ hiện đại hơn với quy mô và tiềm lực tài chính lớn hơn. Đặc biệt, khi mà Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Châu Âu (EVFTA) có hiệu lực, khả năng số lượng các doanh nghiệp của các nước thành viên đổ về Việt Nam là rất lớn, đang và sẽ tạo nên một môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn.

➤ *Nguồn vốn đầu tư:*

Để tài trợ vốn cho việc cải tiến và đầu tư máy móc sản xuất cần một nguồn vốn rất lớn, mà nguồn vốn nội tại bên trong Công ty không có đủ khả năng để đáp ứng, vì vậy, nguồn đi vay là một giải pháp tất yếu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ thường gặp rất nhiều khó khăn trong việc vay vốn, do chính sách cho vay của các ngân hàng thương mại ngày càng bị thắt chặt vì lo ngại nợ xấu. Năm 2020, để giúp các doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn bởi ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, hệ thống ngân hàng cũng đã đưa ra rất nhiều chính sách khuyến khích doanh nghiệp vay để đầu tư, phục hồi hoạt động, song những rủi ro không nhỏ từ đại dịch Covid – 19 đến nền kinh tế trong nước vẫn còn đang hiển hiện trước mắt, đã gây những khó khăn nhất định trong việc huy động vốn của doanh nghiệp.

1.2.2: Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Công ty nhận thấy với sự ảnh hưởng ngày càng phức tạp và nghiêm trọng của dịch Covid-19 sẽ là một trong những biến động lớn khiến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 và các năm tiếp theo có thể không đảm bảo được kế hoạch đề ra.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Tính đến thời điểm 30/06/2021, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 46.300.000.000 (Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu) đồng. Trong quá trình hoạt động kể từ khi hoạt động mô hình công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện 01 lần tăng vốn và 01 lần giảm vốn như đã trình bày tại mục IV.6 của Bản cáo bạch.

Bảng 11: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty

DVT: Đồng



Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Vốn điều lệ	46.300.000.000	46.300.000.000	46.300.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC Quý I/2021 của Công ty)

Bảng 12: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I. Nợ phải trả	29.222.607.480	37.750.550.677	38.316.140.906
- Nợ ngắn hạn	27.093.655.055	37.750.550.677	38.316.140.906
- Nợ dài hạn	2.128.952.425	-	-
II. Vốn chủ sở hữu	52.647.292.660	55.836.254.204	56.701.054.790
- Vốn góp chủ sở hữu	46.300.000.000	46.300.000.000	46.300.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	187.579.443	187.579.443	187.579.443
- LNST chưa phân phối	6.159.713.217	9.348.674.761	10.213.475.347
Tổng nguồn vốn kinh doanh	81.869.900.140	93.586.804.881	95.017.195.696

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC Quý II/2021 của Công ty)

Bảng 13: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.786.890.489	6.498.701.644	1.893.532.906
Các khoản phải thu ngắn hạn	36.663.373.388	31.009.861.239	35.311.682.355
Hàng tồn kho	20.816.654.353	32.385.132.126	36.522.127.786
Tài sản ngắn hạn khác	19.256.004	1.701.641.149	500.496.814
Các khoản phải thu dài hạn	465.049.176	177.720.000	147.489.998
Tài sản cố định	22.094.676.732	21.813.748.723	20.558.016.973
Tài sản dài hạn khác	23.999.998	-	83.848.864

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC Quý II/2021 của Công ty)

2.1.2. Trích khấu hao TSCĐ



Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Hiện tại, phương pháp khấu hao Công ty đang áp dụng là phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 14: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	03-18 năm
Phương tiện vận tải	07-10 năm
Máy móc và thiết bị	06-10 năm

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

2.1.3. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của CBNV Công ty năm 2020 là: 7.000.000 đồng/người/tháng.

Đây cũng là mức lương tương đương với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

2.1.4. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	36.663.373.388	31.009.861.239	35.311.682.355
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	12.686.087.948	15.406.540.896	14.714.349.228
Trả trước cho người bán	23.977.285.440	15.770.882.583	17.957.384.767
Phải thu ngắn hạn khác	-	48.778.470	2.856.289.070
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(216.340.710)	(216.340.710)
Phải thu dài hạn	465.049.176	177.720.000	147.489.998



Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Phải thu dài hạn khác	465.049.176	177.720.000	147.489.998
Tổng cộng	37.128.422.564	31.187.581.239	35.459.172.353

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, BCTC Quý II/2021 của Công ty)

- Các khoản phải trả

Bảng 16: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: VND.

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nợ ngắn hạn	27.093.655.055	37.750.550.677	38.316.140.906
Phải trả người bán ngắn hạn	178.533.412	4.007.606.275	6.412.182.331
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	142.784.678	3.783.252.285	5.143.935.098
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	751.418.927	215.844.706	361.344.706
Phải trả người lao động	-	164.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	42.394.041	43.284.087	1.342.617.419
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.978.523.988	29.536.563.324	25.056.061.352
Nợ dài hạn	2.128.952.425	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.128.952.425	-	-
Tổng cộng	29.222.607.480	37.750.550.677	38.316.140.906

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, BCTC Quý II/2021 của Công ty)

Các khoản phải trả của Công ty chủ yếu là các khoản Nợ ngắn hạn, trong đó các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm gần 80% tổng các khoản Nợ ngắn hạn, điều này cho thấy nhu cầu sử dụng vốn lưu động của Công ty là rất lớn, và nguồn tài trợ chính là vay ngắn hạn tại các Ngân hàng thương mại.

2.1.5. Tổng dư nợ vay

Bảng 17: Chi tiết số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty

Đơn vị: VND



STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
A	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.978.523.988	29.536.563.324	25.056.061.352
1	Nợ ngắn hạn	24.000.000.000	29.000.000.000	24.994.571.352
1.1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	3.250.000.000	26.000.000.000	22.024.571.352
1.2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	3.000.000.000	3.000.000.000	2.970.000.000
1.3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	17.750.000.000	0	0
2	Nợ dài hạn đến hạn trả	1.978.523.988	536.563.324	61.490.000
2.1	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease (3)	1.382.413.344	536.563.324	61.490.000
2.2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	596.110.644	0	0
B	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			
1.1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.551.944.678	0	0
1.2	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease	577.007.747	0	0
	Tổng cộng	28.107.476.413	29.536.563.324	25.056.061.352

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, BCTC Quý II/2021 của Công ty)

(1) Vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/750909 ngày 22/06/2020 với tổng hạn mức là 30 tỷ đồng trong 12 tháng; thời hạn cho vay, lãi suất áp dụng cho từng hợp đồng tín dụng cụ thể; khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty là 3 phương tiện vận tải với giá trị 940 triệu đồng, nhà cửa vật kiến trúc gắn liền với đất và Giấy chứng nhận Quyền sở hữu đất giá trị 19,58 tỷ đồng.

(2) Vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số 150520-32303-01-SME ngày 15/10/2020, hạn mức 3 tỷ đồng trong 12 tháng, thời gian cho vay đối với từng lần tối đa không quá 6 tháng;



khoản vay dùng bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh inox, thép không gỉ và áp dụng lãi suất theo hợp đồng vay cụ thể từng giai đoạn, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn nhưng không quá 10%/năm; hợp đồng vay tín chấp.

(3) *Nợ thuê tài chính theo hợp đồng sau:*

- Hợp đồng thuê tài chính số C190202915 ngày 20/02/2019 với tổng gốc vay là 1.844.000.000 VND; tài sản thuê gồm: 01 xe nâng hàng, 02 máy xén kim loại, 01 máy ép thủy lực, 01 máy hàn kim loại, 01 máy đột dập kim loại, 01 máy uốn ống, 01 máy phay kim loại, 01 máy ép thủy lực, 01 máy tuốt dây thẳng máy trần ADM 90; thời gian thuê 36 tháng; lãi suất thuê ban đầu là 10,8% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày và 10,95% cho thời gian tính lãi là 365 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 3,5%; nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 29 kỳ; giá trị còn lại tại 30/6/2021 là 61.490.000 đồng.

2.1.6. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

2.1.7. Các khoản phải nộp theo quy định

Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Công ty không có khoản nợ thuế hay các khoản phải nộp nào quá hạn.

Bảng 18: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế Giá trị gia tăng	102.020.934	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	649.397.993	215.844.706	361.344.706
Tổng cộng	751.418.927	215.844.706	361.344.706

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, BCTC Quý II/2021 của Công ty)

2.1.8. Trích lập các quỹ

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

Bảng 19: Chi tiết các quỹ của Công ty

Đơn vị: VND



Các quỹ	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Quỹ đầu tư phát triển	187.579.443	187.579.443	187.579.443
Tổng cộng	187.579.443	187.579.443	187.579.443

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, BCTC Quý II/2021 của Công ty)

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2020 đến nay, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh không có những biến động lớn có thể gây ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,19	1,9
- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,42	1,04
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	35,69	40,33
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	55,51	67,61
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	7,14	4,49
- Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân	Vòng	1,53	1,5
- Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	2,31	2,02
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			



Hệ số LNST/Doanh thu thuần (ROS)	%	2,24	2,42
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	5,18	5,88
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,42	3,64
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ	580	689

(Nguồn: CTCP Sản xuất và thương mại Tùng Khánh)

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Ý kiến của kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, 2020: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 số: 151/VACO/BCKT.HP ngày 09/01/2020 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 số: 065/VACO/BCKT.HP ngày 03/03/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán Vaco – chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ: số MHT05-04 KĐT Vinhomes Imperia Hải Phòng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 21: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2020
1	Vốn điều lệ (đồng)	50.940.000.000	10,02
2	Doanh thu thuần (đồng)	130.000.000.000	-1,34
3	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	3.000.000.000	-5,92
4 (*)	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	2,3	-



5 (*)	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn góp của CSH bình quân (%)	6,17	-
6 (*)	Cổ tức (%)	0	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty ngày 24/04/2021)

(*): Công ty không tính % Tăng/giảm so với năm 2020 với các chi tiêu là số tương đối

Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 tổ chức ngày 24/04/2021. Mặt khác do nguồn lợi nhuận chưa nhiều và nhu cầu vốn hoạt động kinh doanh lớn, ĐHĐCĐ Công ty quyết định không thực hiện chi trả cổ tức năm 2020.

Căn cứ thực hiện kế hoạch: tiếp nối đà tăng trưởng như các năm vừa qua, Ban lãnh đạo Công ty đã định hướng rõ ràng việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của Công ty. Các khách hàng lớn hiện nay của Công ty đều là những khách hàng lâu năm với giá trị hợp đồng lên tới vài tỷ đến vài chục tỷ hàng năm. Do đó, Công ty tiếp tục xây dựng các chính sách đối với khách hàng cũ và mở rộng mạng lưới khách hàng mới, đáp ứng tốt về tiến độ và khối lượng theo yêu cầu của các đối tác. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên nghiên cứu, đánh giá xu hướng của nền kinh tế để có những định hướng phát triển phù hợp, đảm bảo hiệu quả sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Với những kết quả đã đạt được trong những năm trở lại đây và đặc biệt là trong năm 2020 của Công ty, Ban lãnh đạo đánh giá kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên của Công ty là khả thi.

❖ **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán phổ Wall đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ phục hồi và tăng trưởng của kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, căn cứ vào tốc độ tăng trưởng sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận của công ty trong năm 2018-2020, Chúng tôi nhận thấy rằng hoạt động thương mại của công ty có xu hướng ngày càng ổn định hơn. Như vậy, nếu không có những biến động bất thường của nền kinh tế ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra cho năm 2021 hoàn toàn khả thi. Công ty có cơ sở để mở rộng mảng kinh doanh mới cũng như tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn phát hành, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn



lọc và dựa trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng phát triển của nền kinh tế, của ngành sắt, thép nói chung cũng như của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Doanh nghiệp hoàn toàn không đảm bảo giá trị của cổ phiếu cũng như sự chắc chắn của các số liệu dự báo. Những đánh giá này chỉ có tính chất tham khảo với nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Ngày 16/10/2017, Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần với số vốn là 30 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5. Theo Luật doanh nghiệp, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Tại thời điểm hiện tại, Công ty không có cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

3.1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

Bảng 22: Danh sách thành HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
Hội Đồng Quản Trị		
1	Bùi Thị Yến	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc
2	Phạm Tùng Linh	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
3	Phạm Thị Khánh Ly	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Đào Nhật Trường	Thành viên HĐQT độc lập
5	Phạm Xuân Trường	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh



Lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị:

❖ Chủ tịch HĐQT – Bà Bùi Thị Yên

- Họ và tên: Bùi Thị Yên
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/09/1963
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số 131 Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân số: 031069328; Ngày cấp: 11/01/2013; Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Hóa - Sinh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T03/2000 – T10/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Phó Giám đốc
T10/2017 – T12/2020	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Phó Giám đốc – Thành viên HĐQT
T12/2020 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Chủ tịch HĐQT - Phó Giám đốc

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 215.000 cổ phiếu (chiếm 4,64% số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Văn Hiếu	Chồng	1.000	0,02
2	Phạm Thị Khánh Ly	Con ruột	200.000	4,32
3	Phạm Tùng Linh	Con ruột	215.000	4,64
4	Phạm Toàn Vinh	Con rể	200	0,004
5	Bùi Thị Chiến	Em ruột	200	0,004
6	Tô Văn Thắng	Em rể	200	0,004
7	Bùi Thị Thu Hà	Em ruột	200	0,004



8	Bùi Đỗ Hiến	Em ruột	200	0,004
9	Bùi Thị Ngọc Trâm	Em dâu	200	0,004
Tổng cộng			417.000	9,0

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con, công ty do tổ chức phát hành nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2019: 78.128.847 đồng
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: 143.674.999 đồng
 - + Thù lao năm 2021: Không có
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ **Thành viên HĐQT – Ông Phạm Tùng Linh**

- Họ và tên: Phạm Tùng Linh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/01/1991
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số 131 Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân số: 031695394; Ngày cấp: 11/10/2007; Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Thạc sĩ Tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T04/2015 – T10/2016	Trường Đại học FPT	Cán bộ quản lý chất lượng
T10/2016 – T09/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Thanh tra chất lượng
T10/2017 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc



- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 215.000 cổ phiếu (chiếm 4,64% số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - o Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Văn Hiếu	Bố đẻ	1.000	0,02
2	Bùi Thị Yến	Mẹ đẻ	215.000	4,64
3	Phạm Thị Khánh Ly	Chị ruột	200.000	4,32
4	Phạm Toàn Vinh	Anh rể	200	0,004
Tổng cộng			416.200	8,98

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con, công ty do tổ chức phát hành nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2019: 76.491.539 đồng
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: 138.626.922
 - + Thù lao năm 2021: Không có
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ **Thành viên HĐQT – Bà Phạm Thị Khánh Ly**

- Họ và tên: Phạm Thị Khánh Ly
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/08/1984
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Chung cư Golden Field, A2 đường Nguyễn Cơ Thạch, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Căn cước công dân số: 031184004421; Ngày cấp: 05/05/2016; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Điện tử viễn thông
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT



- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ trẻ em Xoe Tròn; Giám đốc điều hành Trường tiểu học và THCS FPT
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T01/2011 – T06/2015	Trường đại học FPT	Cán bộ phát triển chương trình
T10/2014 – T06/2015	Trường đào tạo cán bộ FPT	Cán bộ phát triển chương trình
T07/2015 – nay	Trung tâm ngoại ngữ trẻ em Xoe Tròn	Giám đốc
T06/2017 – nay	Trường tiểu học và THCS FPT	Giám đốc điều hành
T10/2017 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 200.000 cổ phiếu (chiếm 4,32% số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - o Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Văn Hiếu	Bố đẻ	1.000	0,02
2	Bùi Thị Yên	Mẹ đẻ	215.000	4,64
3	Trần Thị Vân	Mẹ chồng	200.100	4,32
4	Phạm Toàn Vinh	Chồng	200	0,004
5	Phạm Tùng Linh	Em ruột	215.000	4,64
Tổng cộng			631.300	13,63

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con, công ty do tổ chức phát hành nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2019: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: Không có



- + Thù lao năm 2021: Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ **Thành viên HĐQT – Ông Đào Nhật Trường**

- Họ và tên: Đào Nhật Trường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/08/1998
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 36 Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng
- Căn cước công dân số: 031184004421; Ngày cấp: 03/08/2017; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 – 2016	Trường THPT An Hải	Học sinh
2016 – T7/2020	Đại học Hàng Hải	Sinh viên
T8/2020 - nay	Công ty cổ phần xăng dầu khí PVOil Hải Phòng	Nhân viên kinh doanh
T12/2020 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 200 cổ phiếu (chiếm 0,004% tổng số cổ phiếu đang lưu hành)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Thị Thu Hà	Mẹ đẻ	200	0,004
2	Đào Thị Khuyên	Chị ruột	100.000	2,16
Tổng cộng			100.200	2,164

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không



- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con, công ty do tổ chức phát hành nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
- + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- + Tiền lương, thưởng năm 2019: Không có
- + Tiền lương, thưởng năm 2020: Không có
- + Thù lao năm 2021: Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ Thành viên HĐQT – Ông Phạm Xuân Trường

- Họ và tên: Phạm Xuân Trường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/08/1989
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: tổ 7, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, Hải Phòng
- Căn cước công dân số: 031089005760; Ngày cấp: 22/06/2017; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T06/2018 – nay	Tự doanh xưởng cơ khí	Chủ hộ kinh doanh
T02/2020 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 200 cổ phiếu (chiếm 0,004% tổng số cổ phiếu đang lưu hành)
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - o Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không



- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con, công ty do tổ chức phát hành nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
- + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- + Tiền lương, thưởng năm 2019: Không có
- + Tiền lương, thưởng năm 2020: Không có
- + Thù lao năm 2021: Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban kiểm soát

Bảng 23: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
Ban Kiểm soát		
1	Nguyễn Thị Thùy	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Hương	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS

Lý lịch các thành viên Ban kiểm soát:

❖ Trưởng BKS – Bà Nguyễn Thị Thùy

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 24/06/1980
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: SN 20/5/190 Cự Viên, Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng
- Căn cước công dân số: 031180001709; Ngày cấp: 15/09/2015; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016 - 2011	Công ty cổ phần Công nghệ xanh	Nhân viên kinh doanh



2011 - nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Nhân viên kinh doanh
T05/2021 - nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Trưởng Ban Kiểm soát

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 200 cổ phiếu (chiếm 0,004% tổng số cổ phiếu đang lưu hành)
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - o Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con, công ty do tổ chức phát hành nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2019: 61.121.924 đồng
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: 102.716.830 đồng
 - + Thù lao năm 2021: Không có
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ Thành viên BKS – Bà Nguyễn Thị Hương

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hương
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/10/1988
- Nơi sinh: Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Kha Lâm 6, phường Nam Sơn, quận Kiến An, Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân số: 031947054; Ngày cấp: 08/06/2012; Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
-----------	-----------------	---------



T06/2011 – T10/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Nhân viên kinh doanh
T10/2017 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Nhân viên kinh doanh
T04/2018 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên Ban Kiểm soát

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 300 cổ phiếu (chiếm 0,006% tổng số cổ phiếu đang lưu hành)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan:
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con, công ty do tổ chức phát hành nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2019: 64.228.847 đồng
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: 102.270.193 đồng
 - + Thù lao năm 2021: Không có
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ **Thành viên BKS – bà Nguyễn Thị Huyền**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 20/10/1987
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chứng minh thư nhân dân số: 142257087; Ngày cấp: 15/10/2010; Nơi cấp: CA. Hải Dương
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thăng Long, huyện Kinh Môn, Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Chức vụ	Đơn vị công tác
-----------	---------	-----------------



T10/2010 – T10/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Thủ kho
T10/2017 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thủ kho
T04/2018 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên BKS

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 200 cổ phiếu (chiếm 0,004% tổng số cổ phiếu đang lưu hành)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con, công ty do tổ chức phát hành nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2019: 62.133.458 đồng
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: 101.689.424
 - + Thù lao năm 2021: Không có
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.3. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban Giám đốc

Bảng 24: Danh sách Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
Ban Giám đốc		
1	Phạm Tùng Linh	Giám đốc
2	Bùi Thị Yến	Phó giám đốc

❖ **Giám đốc - Ông: Phạm Tùng Linh**

(Lý lịch: Xem mục lý lịch Thành viên HĐQT)

❖ **Phó giám đốc – Bà Bùi Thị Yến**

(Lý lịch: Xem mục lý lịch Thành viên HĐQT)

3.4. Kế toán trưởng: Bà Phạm Thúy Nga

- Họ và tên: Phạm Thúy Nga



- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/05/1979
- Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 121 Lý Hồng Nhật, khu 2 Cát Bi, huyện Hải An, Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân số: 031878494; Ngày cấp: 18/05/2011; Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T03/2002 – T05/2010	Công ty TNHH Tùng Khánh	Nhân viên kế toán
T05/2010 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Kế toán trưởng

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 300 cổ phiếu (chiếm 0,006% số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - o Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con, công ty do tổ chức phát hành nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2019: 62.077.308 đồng
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: 95.454.328 đồng
 - + Thù lao năm 2021: Không có
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

PHẦN VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng.

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu).

3. Tổng số cổ phiếu chào bán

Số lượng chào bán: 463.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá là: 4.630.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến cổ phiếu phát hành ra công chúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 24/04/2021 là 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Mức giá cổ phiếu dự kiến chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu xác định trên cơ sở cân đối giữa mức giá hiện đang giao dịch trên thị trường (đóng cửa ở mức 19.200 đồng/cổ phiếu ngày 13/04/2021) và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của công ty (hiện ở mức 12.060 đồng/cổ phiếu ngày 31/12/2020)

❖ Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu} - \text{Nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Số cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}}$$

Cụ thể, giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 đang ở mức:

$$55.836.254.204 \text{ đồng} / 4.630.000 \text{ cổ phiếu} = 12.060 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

So sánh với giá phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (dự kiến) là 10.000 đồng/cổ phiếu thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần bằng 120,6% so với giá trị phát hành dự kiến.

❖ Giá thị trường:

Ngày 13/04/2021, cổ phiếu TKG có giá trị thị trường giao dịch đóng cửa ở mức: **19.200 đồng/cổ phiếu**, bằng 192% so với giá phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (dự kiến) là 10.000 đồng/cổ phiếu

Căn cứ theo tình hình thị trường chứng khoán hiện nay và nhu cầu vốn cần sử dụng, ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 24/04/2021 của Công ty đã ra Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ thống nhất giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

- Tỷ lệ chào bán: 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu cũ được hưởng 01 quyền, 01 quyền sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới).

7.1 Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ



- Cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh của đợt phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

Ví dụ: Nhà đầu tư Nguyễn Văn A sở hữu 1.001 cổ phiếu thì số lượng cổ phiếu được quyền mua là $(1.001 \times 1)/10 = 100,1$ cổ phiếu và được làm tròn đến hàng đơn vị như sau:

- + Ông A được quyền mua thêm 100 cổ phiếu;
- + Phần lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ được hủy bỏ

7.2. Phương án xử lý số cổ phần không được đăng ký mua

Số cổ phần không được cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết sẽ được Hội đồng quản trị Công ty phân phối cho các đối tượng khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán. Số cổ phần phát sinh này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Trường hợp cổ đông, nhà đầu tư khác (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị) mua lại cổ phần phát sinh theo phương án phát hành này dẫn tới việc sở hữu tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết vượt quá tỷ lệ phải chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì **Không phải thực hiện** thủ tục chào mua công khai

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng đăng ký mua tối thiểu: 1 cổ phiếu
- Phương thức thanh toán:

Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phần: Việc đăng ký mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại các thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản.

Đối với cổ đông chưa lưu ký: Việc đăng ký mua cổ phần, chuyển giao cổ phần và thanh toán tiền mua được thực hiện tại Trụ sở chính Công ty hoặc thanh toán tiền mua cổ phần tại ngân hàng mở tài khoản phong tỏa.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến thực hiện trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty dự kiến lịch trình phân phối và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Bảng 25: Lịch trình phân phối cổ phiếu chào bán ra công chúng



STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng	D
2	Công bố thông tin về phát hành	D + 3
3	Thông báo với VSD về ngày chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D + 1
4	Chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D + 10
5	VSD gửi danh sách cổ đông đã chốt cho Công ty (danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu)	D + 12
6	Công ty gửi công văn xác nhận chấp thuận danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho VSD và thông báo tới các cổ đông về thời gian bắt đầu thực hiện quyền mua cổ phiếu.	D + 14
7	Cổ đông thực hiện chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu trong thời gian tối thiểu 20 ngày do Công ty thông báo (từ D+14 đến D+40): - <i>Cổ đông đã lưu ký</i> : Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký. - <i>Cổ đông chưa lưu ký</i> : Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở Công ty và nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa.	D + 40
8	Tập hợp và phân phối tiếp số cổ phiếu không được chào bán hết (nếu có)	D + 45
9	Báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN	D + 50
10	Lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung	D + 80
11	Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu phát hành	D + 90

- Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng;
- D là ngày nhận được giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN;

Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu



Công ty phối hợp thực hiện chốt danh sách cổ đông với VSD để lập danh sách người sở hữu cuối cùng đồng thời công bố thông tin về đợt phát hành trực tiếp tới các cổ đông trên phương tiện thông tin đại chúng. Sau ngày chốt danh sách cổ đông, Công ty phối hợp với VSD phân bổ và thông báo quyền mua cổ phiếu phát hành tới cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do VSD cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đã đăng ký lưu ký thực hiện quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại Công ty.

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định, thời gian thực hiện quyền mua được Công ty thông báo cụ thể tại Bản công bố thông tin về phát hành.

Bước 3. Kết thúc thời hạn thực hiện quyền

Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đặt mua chứng khoán phát hành thêm, VSD gửi Danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua chứng khoán phát hành thêm đối với chứng khoán lưu ký và chuyển tiền đặt mua vào tài khoản phong tỏa mà Công ty đã thông báo.

Bước 4: Phân phối chứng khoán:

Kế hoạch phân phối chi tiết trong bảng kế hoạch trên.

Bước 5: Thông báo kết quả đợt phát hành:

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, Công ty tiến hành báo cáo kết quả tới UBCKNN.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chỉ được thực hiện một lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.
- Cổ phiếu phát sinh do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết: HĐQT sẽ tập hợp cổ phiếu, xác định tiêu chí, danh sách và chào bán số lượng cổ phần đó cho cổ đông, nhà đầu tư khác trong danh sách đã lựa chọn với giá chào bán không thấp hơn với giá phát hành chính thức. Số cổ phần phát sinh này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty, chi tiết như sau:



Chủ tài khoản: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh

Số tài khoản: 030004868869 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) chi nhánh Hải Phòng

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ

Không.

13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo thông báo với Ủy ban chứng khoán nhà nước của công ty là: 0%.

Theo danh sách cổ đông gần nhất, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần tương đương chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Công ty sẽ cam kết áp dụng tất cả các biện pháp nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa áp dụng của Công ty là 0% trong đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng bằng việc không phân phối cổ phiếu phát hành cho nhà đầu tư nước ngoài.

14. Các loại thuế có liên quan

- Các loại thuế liên quan tới Công ty:

- + Thuế GTGT của Công ty hạch toán theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất 10% trên giá tính thuế.
- + Thuế thu nhập doanh nghiệp: theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.
- + Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại Việt Nam như: Thuế xuất nhập khẩu, Thuế môn bài ...

- Các loại thuế liên quan tới cổ đông:

❖ Nhà đầu tư cá nhân

+ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- ❖ Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất



20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 4a Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

- ❖ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

+ *Thu nhập từ cổ tức:*

- ❖ Theo Thông tư 111/2013/TT-BTC, thì thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- ❖ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Nhà đầu tư là tổ chức**

+ *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

- ❖ Đối với Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- ❖ Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỉ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

+ *Thu nhập từ cổ tức:* Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

15. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết về việc thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán, đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.



16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

PHẦN VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng là 4.630.000.000 đồng sẽ được dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

PHẦN IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 24/04/2021 đã thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau: *Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát ra công chúng là 4.630.000.000 đồng sẽ được dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.*

Nhằm đảm bảo đúng phương án sử dụng vốn, Hội đồng quản trị Công ty thông qua kế hoạch sử dụng vốn chi tiết số tiền thu được từ đợt chào bán như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị (VNĐ)
1	Thanh toán tiền gốc nợ vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)- Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng vay số: 150520-32303-01-SME ngày 15/10/2020 kèm theo các Khế ước nhận nợ.	2.970.000.000
2	Thanh toán tiền nợ gốc vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng theo hợp đồng số 01/2020/750909 ngày 22/06/2020 và hợp đồng tín dụng cụ thể giải ngân ngày 20/04/2021	1.307.800.000
3	Bổ sung chi phí lương và văn phòng	352.200.000
TỔNG		4.630.000.000

Trong đó chi tiết các khoản thanh toán như sau:

(1): Thanh toán tiền gốc nợ vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)- Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng vay số: 150520-32303-01-SME ngày 15/10/2020 kèm theo các Khế ước nhận nợ, cụ thể:

- Khế ước nhận nợ số 150321-32303-01-SME ngày 15/03/2021 với số tiền vay: 860.000.000 đồng, thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 15/03/2021 đến ngày 15/09/2021. Lãi suất



vay tại thời điểm giải ngân: 14,9%/năm. Mục đích vay: bổ sung vốn sản xuất kinh doanh các sản phẩm inox, thép không gỉ.

- Khế ước nhận nợ số 130421-32303-01-SME ngày 13/04/2021 với số tiền vay: 1.110.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 13/04/2021 đến ngày 13/10/2021. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 14,9%/năm. Mục đích vay: bổ sung vốn sản xuất kinh doanh các sản phẩm inox, thép không gỉ.

- Khế ước nhận nợ số 010621-32303-ONL-1 (bản chứng từ điện tử) ngày 01/06/2021 với số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 01/06/2021 đến ngày 01/12/2021. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 15,2%/năm. Mục đích vay: bổ sung vốn sản xuất kinh doanh các sản phẩm inox, thép không gỉ.

(2) Thanh toán tiền nợ gốc vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng theo hợp đồng số 01/2020/750909 ngày 22/06/2020 và hợp đồng tín dụng cụ thể giải ngân ngày 20/04/2021, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng cụ thể giải ngân ngày 20/04/2021 với số tiền vay: 1.307.800.000 đồng, thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 20/04/2021 đến ngày 20/09/2021. Lãi suất khoản vay: 7,5%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hóa chất.



PHẦN X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, 243A, Icon 4 Tower, đường La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.38268686

Fax: 024.39367082

Website: <http://www.wss.com.vn>

Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán:

Với tư cách là Tổ chức tư vấn phát hành cho đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall nhận thấy rằng việc Công ty bổ sung nguồn vốn để cân đối tình hình tài chính, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh là hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh nền kinh tế đang phục hồi và phát triển trở lại sau những khó khăn từ ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19. Việc bổ sung nguồn vốn thông qua đợt chào bán này là một bước tiến cần thiết và phù hợp cho Công ty để triển khai các kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Địa chỉ: MHT05-04 Khu đô thị Vinhomes Imperia Hải Phòng, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 3534 655

Fax: (84-225) 3534 316

Website: <http://www.vaco.com.vn>

PHẦN XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

PHẦN XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận ĐKKD;
2. **Phụ lục II**: Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
3. **Phụ lục III**: Điều lệ Công ty;
4. **Phụ lục IV**: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, 2020; BCTC Quý 2/2021;
5. **Phụ lục V**: Một số các tài liệu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH



NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hải Phòng, ngày 06 tháng 09 năm 2021

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Thị Yến

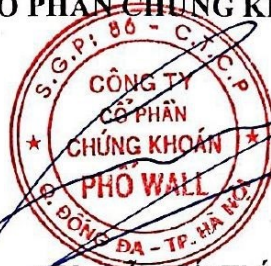
GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Tùng Linh

Phạm Thúy Nga

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL



Nguyễn Việt Thắng

BẢN CÁO BẠCH